NGUYỄN QUANG-DANH

NGÂM KHÚC

1930

VIỆT VĂN THƯ-XÃ

NGÂM KHÚC

I. CUNG-OÁN — II. CHINH-PHỤ — III. TỲ-BÀ

NGUYỄN QUANG-OẢNH

HIỆU-KHẢO

In lần thứ nhất

VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN
49-51, Phố Hàng Dường, Hà-nội
Xuất bản và giữ bản-quyền

1930

Tiểu tự

Ngâm khúc là những bài văn đi từng lớp bốn câu một: hai câu bảy chữ, hai câu lục-bát.

Phép văn ngâm thì câu bảy chữ đầu phải hạ vần trắc, câu thứ hai thì chữ thứ năm phải theo vần ấy đến chữ thứ bảy hạ vần bằng. Hai câu dưới theo lối lục-bát, nghĩa là chữ cuối câu sáu chữ theo vần với câu bảy chữ trên, câu tám chữ thì chữ thứ sáu cũng theo vần ấy, đến chữ thứ tám hạ vần khác, nhưng cũng phải vần bằng. Thế là hết một lớp. Lớp nối thì chữ thứ năm câu bảy chữ đầu phải theo vần câu tám chữ trên rồi lại hạ vần trắc khác.

Thí dụ:

Kìa thế cục như *in* giấc *mộng*,
Máy huyền vi mở *đóng* khôn *lường*.
Vẻ chi ăn uống sự *thường*,
Cũng còn tiền định khá *thương* lọ *là*.
Đòi rất mực thiên *ma* bách *chiết*,
. . . . . .

Lớp nọ liên tiếp lớp kia như thế đi dài bao nhiêu cũng được không có hạn chế nào cả.

Xem như vậy thì lối văn ngâm cũng là một lối văn riêng của ta như lối lục-bát.

Về giọng văn thì văn ngâm là văn buồn, vì những nhời diễn ra lối văn ngâm đều là nhời than vãn, thương nhớ, nhời oán hận, bi ai.

Xét những ngâm khúc truyền lại đến giờ thì có nhẽ lối văn này có từ đời Lê, nhưng không được thịnh bằng văn lục-bát.

Những ngâm khúc chúng tôi lục in ra đây cả thảy ba bài :

1° — Cung-oán, của ông Nguyễn Gia-Thiều, nguyên văn bằng quốc-văn ;

2° — Chinh-phụ ngâm, nguyên văn bằng chữ nho của ông Đặng Trần-Côn, bà Đoàn Thị-Điểm diễn ra quốc-âm;

3° — Tỳ-bà hành, nguyên văn của Bạch Cư-Dị người Tàu, ông Phan Huy-Vịnh dịch ra nôm.

Những ngâm khúc kể trên đây đều hay cả, chúng tôi đem những bản in hay chép bằng chữ nôm cùng những bản bằng chữ quốc-ngữ mà chúng tôi đã tìm được, so sánh kỹ càng, khảo lại cho gần được như nguyên bản và giải thích những điển tích để ai đọc cũng dễ hiểu. Chúng tôi lại cố tìm tòi những lược truyện các tác-giả cùng dịch-giả để ai đọc đến những bài văn này cũng biết được cả người làm, người dịch. Việc này ông Sơ-Cuồng Lê Dư giúp chúng tôi nhiều lắm, chúng tôi xin có nhời cám ơn.

Hà-nội, ngày 12 tháng 12 năm 1929

N. Q. O.

LƯỢC TRUYỆN ÔNG ÔN-NHƯ HẦU

Ôn-như hầu 溫如侯 họ Nguyễn, húy Gia-Thiều (阮嘉玿) người làng Liễu-ngạn, tổng Liễu-ngạn, xứ Kinh-bắc (bây giờ là tỉnh Bắc-ninh). Ông sinh năm Tân-giậu (1741).

Ông là con giai nhớn ông Đạt-vũ hầu 達武侯 và bà Quỳnh-Liên công-chúa 琼蓮公主.

Ông là thích-thuộc nhà vua, cho nên năm ông năm tuổi, ông được nuôi ở trong nội.

Khi ông mười chín tuổi, vua ban cho chức hiệu-uý. Sau nhiều khi ông theo vua đi đánh giặc có công, được thăng chỉ-uý đồng-tri và phòng hầu.

Ông ở trong vòng phú quí mà không tham công danh, phú quí, lại thích sự nhàn tản, cho nên khi đang làm quan ông xin nghỉ về ẩn ở Tây-hồ, nghiên cứu đạo tiên, đạo phật lấy hiệu là Hi-tôn tử (禧宗子) và Như-ý thiền (如意禪).

Cầm, kỳ, thi, họa ông đều hay, âm luật ông tinh hiểu, ông sở trường về lối ca tán, ông có đặt ra điệu sở-từ, điệu sơn-trung âm.

Văn quốc âm của ông thì ý tứ ly kỳ sâu sắc, nhời nhẽ chau chuốt nuột nà.

Ông cùng bọn danh sĩ đương thời là Mai-trì, Trần tiên-sinh và Tôn-nhi-thị, Phạm tướng-công kết làm thi-hữu và tự đặt nhiều hiệu khác như là Tâm-thi viện tử (心詩院子) Sưu-chân (搜眞), Thi-ấn (詩印) Thi-xích (詩尺) Thi-cầm (詩琴) Thị-thược (詩鑰).

Ông lại cùng ông Vũ Tất-Phật (武必佛), ông Trịnh Tông (鄭琮) ông Nguyễn Vụ (阮務) kết làm tứ linh tửu-hữu.

Hàng ngày ông chỉ cùng thi-hữu, tửu-hữu, lấy thơ, lấy rượu làm vui.

Một hôm ông uống rượu say quá, ai cũng sợ, đến hỏi thăm, ông cứ nằm yên không nói. Em ông là ông Hòa-Trai 和齋 xin lấy ba chữ « Túy-trung-ngâm » làm đề, ông thình lình đọc ngay hai câu rằng :

Say ấy vi dù say thiên cổ,
Thời chi có một Lý tiên-sinh.

Ông ngâm rồi tỉnh dậy, ai cũng mừng và khen đáng là « Tâm-thi công ».

Năm Kỷ-hợi (1779) vua ngự ra chơi nhà ông cho ông hiệu là Sơn-trung nhân-hoa 山中人花 và ban cho một cái ngự y.

Năm Canh-tý (1780) ông được thăng Đô-chỉ-huy sứ rồi có sắc sai ông giám đốc việc làm tháp

ở chùa Thiên-tích (bây giờ không biết ở đâu). Nhân thế ông về tu tạo lại nhà riêng của ông ở cửa Nam, đắp núi, đào hồ, trồng hoa cỏ, dựng hành cung. Vua ngự thuyền chơi ở nhà ông khen rằng: « Vào đây có cái phong thú như ngư-phủ vào đào-nguyên ». Sau vua sắc cho ông vào nội để sửa sang cung điện.

Năm Nhâm-dần (1782) ông sung chức lưu-thủ xứ Hưng-hóa, ông thu phục được cả dân thập châu, biên cảnh được yên lặng.

Ông Hồ Sĩ-Đống (胡 士 棟) có tặng ông bài thơ rằng:

見 說 藍 田 産 碧 瑠
Kiến thuyết lam điền sản bích lưu,
將 門 從 古 出 英 流
Tướng môn tòng cổ xuất anh lưu.
七 書 機 略 存 家 訓
Thất thư cơ lược tồn gia huấn,
千 里 藩 翰 荷 國 休
Thiên lý phiên hàn hạ quốc hưu.
況 是 銀 潢 流 別 派
Huống thị ngân hoàng lưu biệt phái,
正 惟 肉 食 審 良 謀
Chính duy nhục thực thẩm lương mưu.
十 州 次 第 將 輸 款
Thập châu thứ đệ tương thâu khoản,
閫 外 雍 容 著 茂 猷
Khổn ngoại ung dung trứ mậu du.

Đến khi gặp quốc biến, ông bèn lánh ở miền thượng-du rồi lại dời về Hưng-hóa. Nhà Tây-sơn sai tìm bắt khắp mọi nơi, ông không thể trốn tránh được, bất đắc dĩ phải thác già về Bắc-thành (Hà-nội). Chúa Tây-sơn lấy nhời ngon ngọt dỗ ông, lấy quan tước dụ ông, ông nhất định không chịu khuất, ông túng y phóng đãng, uống rượu giả cuồng, chúa Tây-sơn biết không ép nổi chí ông, phải cho về.

Ông về ở điền lý đến ngày mồng chín tháng năm năm Mậu-ngọ (1798) thì ông mất, hưởng thọ năm mươi tám tuổi.

Thơ chữ nho của ông có bộ Tiền hậu thi tập đến nay còn truyền một hai bài.

Quốc-văn thi ngoài Cung oán ngâm khúc ông còn bộ Tử-trai, Tây-hồ thi tập nhời rất mầu nhiệm, nhiều câu ý tứ cao sâu khó hiểu.

Ông Trần Danh-Án 陳名案 có tặng ông bài thơ rằng :

悠悠白雲徑　Du du bạch vân kính,
擾擾紅塵陌　Nhiễu nhiễu hồng trần mạch.
今世見韓詮　Kim thế kiến Hàn Thuyên,
塵中有李白　Trần trung hữu Lý Bạch.
酒趣入聖賢　Tửu thú nhập thánh hiền,
詩聲滿金石　Thi thanh mãn kim thạch.
語有烟霞氣　Ngữ hữu yên hà khí,
門無車馬跡　Môn vô xa mã tích.

左 懸 一 張 琴 Tả huyền nhất chương cầm,
右 置 三 篇 易 Hữu chí tam thiên dịch:
處 境 却 忘 境 Xử cảnh khước vong cảnh,
似 釋 亦 非 釋 Tự thích diệc phi thích.
嘉 君 見 識 高 Da quân kiến thức cao,
笑 我 吟 腸 窄 Tiếu ngã ngâm trường trích.
陶 然 一 醉 去 歸 來 Đào nhiên nhất túy khứ [qui lai,
醒 後 知 爲 何 處 客 Tỉnh hậu tri vi hà xứ [khách.

Trong bộ Suyết thập tạp ký (掇拾雜記) của ông Lý Văn-Phức (李文馥) chỗ nói về văn ông Ôn-như hầu có chép rằng: « Ôn-như hầu rất sở trường quốc-văn, thơ ông có hai phép:

1°. Nhất thị ứng khẩu thành tụng ngữ ngữ khả nhân. 一是應口成誦語語可人.

2°. Nhất thị thiên đoạn bách luyện ngữ ngữ kinh nhân. 一是千鍛百鍊語語驚人.»

Nghĩa là: một là thơ đọc ngay thì câu nào cũng nghe được, hai là thơ nghĩ kỹ thi câu nào ai cũng phải kinh.

THƠ

無端月老怨紅顏　*Vô đoan Nguyệt-lão oán hồng-nhan.*
寂寞空閨寶篆殘　*Tịch mịch khóng khuê bảo triện tàn.*
半枕秋蛩吟夜永　*Bán trẩm thu cùng ngâm dạ vĩnh ;*
滿窗凉月鎖春寒　*Mãn song lương nguyệt tỏa xuân hàn.*
愁挑殘燭憐孤影　*Sầu khiêu tàn chúc liên cô ảnh ;*
懶對菱花理珮環　*Lãn đối lăng hoa lý bội hoàn.*
一片幽情難盡話　*Nhất phiến u tình nan tận hoại,*
慢揮清淚撲朱欄　*Mạn huy thanh lệ phốc chu lan.*

河平悲溪後生撰　Hà-bình, Ngu-khê hậu-sinh soạn

Bài dịch

Ông Nguyệt ghen chi khách má hồng ?
Triện tàn vắng vẻ chốn phòng không.
Canh khuya nửa gối trùng eo óc ;
Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh-lùng.
Buồn gợi đèn tàn trơ bóng dáng ;
Biếng soi gương sáng sửa bông vàng.
Mảnh tình u-uất khôn bầy tỏ,
Vầy khắp câu-lơn giọt lệ trong.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

ÔN-NHƯ HẦU NGUYỄN GIA-THIỀU

Trải vách quế (1) gió vàng (2) hiu hắt,
Mảnh vũ y (3) lạnh ngắt như đồng,

---

(1) Vách quế : Hai chữ này có người cho là không có nghĩa đổi ra là *phách quế*, lấy nghĩa ở hai chữ quế phách 桂魄 là mặt giăng, vì thơ Vương Duy có câu rằng : 桂魄初生秋露微 *Quế phách sơ sinh thu lộ vi*. Lại có người nói trong các bản nôm chép là 壁桂 đọc là Bích quế mới đúng vì chữ nho có những thành ngữ như là Quế-bích, Ngô-tỉnh 梧井 để chỉ mùa thua.

Chúng tôi thiết tưởng thế là nạn nghĩa. Vách quế đây chẳng qua là tường xây bằng vôi có trộn lẫn quế, như là chữ tiêu phòng là buồng xây bằng vôi có trộn lẫn hồ tiêu cho ấm áp. Vả lại dưới lại có câu rằng :

Đêm năm canh ngồi nương *vách quế*.

(2) *Gió vàng* : dịch chữ kim phong. Lấy ngũ hành vận vào bốn mùa thì thu thuộc kim.

(3) *Vũ y* : Áo bện lông non các thứ chim, vừa nhẹ, vừa ấm để mặc mùa rét.

Oan chi (1) những khách tiêu phòng (2),
Mà xui phận bạc nằm trong má đào.
Duyên đã may cớ sao lại rủi ?
Nghĩ nguồn cơn dở-dói sao đang.
Vì đâu nên nỗi dở-dang ?
Nghĩ mình, mình lại nên thương nỗi mình.
Trộm nhớ thủa hài hình (3) tạo-hóa,
Vẻ phù dung (4) một đóa khoe tươi.
Nhị hoa chưa mỉm miệng cười,
Gấm nàng Ban (5) đã nhạt mùi thu-dung. (6)

---

(1) Những người cung phi có cai oan trái gì mà khiến phải mang cái phận bạc. Câu này các bản quốc-ngữ thường chép là « oán chi » chúng tôi thiết tưởng là nhầm vì nếu là chữ oán thì ai oán? Ông trời chăng? Vả lại bài này nhan đề là « Cung oán » mà tác-giả xuốt từ đầu đến cuối không dùng một chữ « oán » nào cả.

(2) *Tiêu phòng* : Buồng xây bằng vôi có trộn lẫn hồ tiêu cho ấm áp.

(3) *Hài hình* : Thân thể người. Câu này có bản chép là : Trộm nhớ thủa *gây hình* tạo-hóa.

(4) *Phù dung* : Một thứ hoa đẹp. Sắc đẹp đàn bà con gái thường ví như vẻ hoa phù dung. Trong bài « Trường-hận ca » của Bạch Cư-Dị có câu rằng : Phù dung như diện, liễu như mi 芙蓉如面柳如眉. Mặt đẹp như hoa phù dung, mày xinh như lá liễu.

(5) Nàng Ban là Ban tiệp-dư cung nữ của Hán Thành-đế. Ban là họ, Tiệp-dư là một chức ở trong cung. Ban tiệp-dư đẹp lắm, vua yêu đến nỗi muốn cho ngồi cùng xe. Tiệp-dư từ chối không chịu ngồi. Sau Triệu Phi-yến đắc sủng đem nhời dèm pha, Tiệp-dư phải phế ra Đông-cung, làm bài phú Thu-phiến nhời rất thảm. Câu này nói gấm như sắc của Ban tiệp-dư, so với sắc mình cũng phải thua. Vì chữ gấm đọc nhầm ra chữ gấm cho nên nhiều người đổi ra là nàng Tô lấy điển Tô-huệ dệt bài hồi văn thành gấm gửi cho chồng là Tân đậu-Thao.

(6) *Thu dung* : Vẻ đẹp mùa thu.

Áng đào kiểm (1) đàm bông não chúng,

Khóe thu ba (2) rợn sóng khuynh thành. (3)

Bóng gương lấp-ló trong mành,

Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa. (4)

---

(1) *Áng*: khối; *đào-kiểm*: má hồng.

(2) *Khóe*: góc con mắt; *thu ba*: sóng mùa thu. Con mắt sáng như sóng mùa thu.

(3) *Khuynh thành*: Nghiêng thành. Trong bài hát của Lý duyên-Niên có câu rằng: 一 顧 傾 人 城, 再 顧 傾 人 國 Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc. Liếc một cái làm thành nghiêng, liếc lại một cái làm nước đổ.

(4) 人 非 草 木 誰 無 情 欲 Nhân phi thảo mộc, thùy vô tình dục: Người ta không phải là cỏ cây, ai là chẳng có tình dục. Cỏ cây là loài vô tri, vô dục thế mà thấy mình đẹp cũng phải nổi tình mây mưa. Hai chữ *mây mưa* dịch ở chữ vân vũ ra. Trong bài tựa phú Cao-đường của Tống-ngọc có nói rằng: xưa kia đức Tiên-vương ra chơi Cao-đường chiêm bao thấy một người đàn bà đến nói rằng: « Thiếp là con gái núi Vu-sơn nghe thấy nhà vua ra chơi đây xin đến chầu ». Vua lưu lại cùng chăn gối. Khi nàng ấy đi có nhời rằng: « Thiếp ở bên nam núi Vu-sơn, sớm thiếp làm mây, chiều thiếp làm mưa, sớm-sớm tối-tối, thiếp ở chốn Dương-đài này ». Tiên-vương đây tức là Sở Tương-vương. Người đời sau dùng hai chữ vân vũ (mây mưa) để chỉ cuộc giao hoan của con giai con gái.

Chìm đáy nước, cá lờ-đờ lặn ; (1)
Lửng lưng giời, nhạn ngẫn-ngơ sa. (2)
Hương giời, trễn nguyệt, trơ hoa, (3)
Tây-thi (4) mất vía, Hằng-nga (5) giật mình.

(1-2.) Hai câu này tả cái sắc đẹp. Nguyên sách Trang-tử có câu rằng : 毛嬙, 麗姬人之所美也, 魚見之深入, 鳥見之高飛 Mao-tường, Lệ-cơ nhân chi sở mĩ giả. Ngư kiến chi thâm nhập, điểu kiến chi cao phi. Nàng Mao-tường, nàng Lệ-cơ, người ta ai cũng cho là đẹp. Cá thấy thì kinh phải lặn xuống sâu, chim thấy cũng kinh, phải bay lên cao. Gốc những chữ 沉魚落雁之容 Trầm ngư lạc nhạn chi dung ở đấy ra. Cứ như ý Trang-tử nói thì cái sắc người ta cho là đẹp, chim cá tránh đi. Đời sau lại lấy nhời ấy để tả cái sắc người đẹp và đổi chữ «điểu-phi» ra chữ « lạc-nhạn » là ý nói con nhạn trông thấy phải mê đi mà sa xuống.

(3) Câu này nói cái sắc đẹp đến nỗi giăng phải mờ, hoa phải thẹn tức là nghĩa những chữ 閉月羞花之貌 Bế nguyệt tu hoa chi mạo. Có bản chép là :

Gương giời *đắm* nguyệt *say* hoa.

(4) *Tây-thi* : tên một người con gái đẹp ở nước Việt về đời Đông-chu. Tây-thi lúc còn ở nhà thì đi giặt sa thuê. Câu-tiễn, vua nước Việt bị Ngô Phù-sai đánh thua ở thành Cối-kê, bầy tôi Việt Câu-tiễn là Phạm Lãi kén được Tây-thi đem tiến Phù-sai. Phù-sai mê Tây-thi bỏ cả việc nước. Câu-tiễn nhờ thế, đem quân đánh diệt được nước Ngô.

(5) *Hằng-nga* hay là Thường-nga : vợ Hậu-Nghệ vua nước Hữu-cùng đời Hạ. Trong truyện Thần-tiên chép rằng Hậu-nghệ xin bà Tây vương-mẫu được thuốc trường sinh bất tử. Hằng-nga ăn trộm thuốc ấy rồi trốn lên cung giăng.

Câu cầm tú dàn anh họ Lý, (1)
Nét đan thanh bậc chị chàng Vương. (2)
Cờ tiên, rượu thánh ai đang?
Lưu Linh, (3) Đế-thích (4) là làng tri âm. (5)
Cầm điếm nguyệt phỏng tầm Tư-mã, (6)

---

(1) Câu *Cầm tú* là câu văn hay. *Họ Lý* tức là Lý Bạch đời Đường, hay rượu, hay thơ, rượu càng say thơ lại càng hay, người ta gọi Lý Bạch là Tửu-trung tiên. Câu này khoe thơ còn đáng làm anh Lý Bạch.

(2) *Nét đan thanh* : Nét vẽ khéo. *Chàng Vương* là Vương Duy tên chữ là Ma-cật, làm thừa-tướng đời Đường Huyền-tôn, thơ hay, vẽ khéo. Bấy giờ người ta cho rằng thơ Vương Duy hay như vẽ ra mà tranh vẽ thì đẹp như có vẻ thơ. 詩中有畫, 畫中有詩. Thi trung hữu họa, họa trung hữu thi.

(3) *Lưu Linh* : Người đời Tấn tên chữ là Bá-Luân hay rượu lắm, có làm bài « Tửu đức tụng » truyền về sau.

(4) *Đế thích* : Ông tiên có tiếng cao cờ, có đền thờ ở Hà-nội, hàng năm về mồng chín tháng giêng có hội.

(5) *Tri âm* : Biết âm luật. Cổ thi có câu rằng : 不惜歌者苦, 但傷知音稀. Bất tích ca giả khổ, đãn thương tri âm hi. Không tiếc công người hát khó nhọc, chỉ thương hiếm có kẻ tri âm. Sau hai chữ « tri âm » có nghĩa là người biết tài nhau, hiểu lòng nhau.

(6) *Cầm điếm nguyệt* : Khúc đàn đánh ở điếm rượu dưới bóng giăng. Tư-mã Tương-như tự là Trường-khanh, người đời Hán có tiếng đàn hay, đến nhà Trác Vương-Tôn đánh khúc Phượng-hoàng-cầu, con gái Vương-Tôn là Trác Văn-quân hóa chồng, nghe đàn mà phải lòng, đêm theo Tương-như trốn đi. Trường-khanh nhà nghèo, phải bán cả xe ngựa đi lấy tiền mở một điếm bán rượu.

Địch lầu thu dường gã Tiêu lang. (1)
Dẫu mà tay múa miệng giang,
Thiên tiên cũng xếp nghê thường trong giàng ! (2)
Tài sắc đã vang lừng trong nước,
Bướm ong càng xao-xác ngoài hiên.
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,
Bệnh Tề Tuyên (3) đã nổi lên đùng-đùng.
Hoa xuân nọ, còn phong nộn nhị, (4)
Nguyệt thu kia, chưa hé hàn quang (5).

---

(1) *Địch lầu thu* : Sáo thổi ở thu lâu. *Tiêu lang* : Đời Xuân-thu có chàng Tiêu Sử thổi sáo nghe hay như tiếng phượng, Tần Mục-Công gả con gái là nàng Lộng-Ngọc cho, Tiêu Sử dạy vợ học sáo. Sau Lộng-Ngọc cưỡi phượng, Tiêu Sử cưỡi rồng bay lên tiên.

(2) *Nghê thường* : Bức xiêm có đủ sắc như cầu vồng. Đường Minh-hoàng. có kẻ thuật sĩ đưa lên chơi cung giăng thấy quần tiên mặc xiêm nhiều sắc như cầu vồng múa hát. Minh-hoàng về cũng đặt ra một khúc nhạc gọi là Nghê-thường-vũ-y.

Hai câu này nói mình mà múa hát, thì dẫu tiên ở cung giăng cũng phải xếp cả nghê thường lại.

Câu này có bản chép là :

Thiên tiên cũng *ngảnh* nghê thường cung giăng.

(3) *Bệnh Tề Tuyên* : Tề Tuyên-vương đời Chiến-quốc nói với thầy Mạnh-tử rằng : Quả nhân hữu tật, quả nhân hiếu sắc 寡人有疾，寡人好色. Quả nhân có tật, quả nhân thích sắc đẹp. Ta lấy ba chữ « Bệnh Tề Tuyên » để chỉ cái tính mê gái.

(4) *Nộn nhị* : Nhị hoa còn non. Cái hoa mùa xuân, nhị non còn kín.

(5) *Hàn quang* : Ánh sáng mát. Câu này nói giăng mùa thu đẹp nhất trong một năm, mới hé cái bóng sáng ra.

Hồng lâu (1) còn khóa then sương, (2)
Thâm khuê (3) còn rấm mùi hương khuynh thành.
Làng cung kiếm (4) lâm-le bắn sẻ, (5)
Khách công hầu ngấp-nghé mong sao. (6)
Vườn xuân bướm hãy còn rào,
Thấy hoa mà chẳng lối vào tìm hương! (7)

---

(1) *Hồng lâu* : Lầu hồng, chốn cửa son gác tía, nơi đàn bà con gái nhà phú quí ở.

(2) *Then sương* : Sương lạnh lẽo, sương sa người ta không dám ra ngoài. Đây ví sương như cái then cài cửa lầu hồng, ý nói con gái cấm cung.

(3) *Thâm khuê* : Buồng sâu. Buồng kín ở trong nhà, chỗ đàn bà con gái ở.

(4) *Làng cung kiếm* : Những người đeo cung, cầm kiếm, nghĩa là những tướng tá.

(5) *Bắn sẻ* : Ông Đậu Nghị sinh ra bà Đậu Hoàng-hậu vẽ hai con chim sẻ vào một bức bình phong gọi là Tước-bình, hễ ai đến hỏi con gái thì bảo bắn hai mũi tên vào bức Tước-bình, ai bắn trúng mắt đôi chim thì mới gả con. Vua Cao-tổ lúc còn hàn vi bắn hai tên trúng mắt đôi chim sẻ, ông Nghị đem con gái gả cho. Bây giờ đi hỏi vợ người ta nói là bắn sẻ.

Câu này có bản chép là :

Làng cung kiếm *rắp ranh* bắn sẻ.

(6) *Mong sao* : Kinh Thi có câu 嚊彼小星，三五在東. Tuệ bỉ tiểu tinh, tam ngũ tại đông, nói phận vợ bé thấy sao mới được vào hầu, sao chưa lặn hết đã phải ra. Sau lấy chữ tiểu tinh chỉ nàng hầu vợ lẽ.

(7) Hai câu này ví mình như cái hoa non, ong bướm còn lượn ở vành ngoài chưa động đến được.

Gan chẳng đá, khôn đường khá chuyển, (1)
Mặt phàm kia, dễ đến Thiên thai? (2)
Hương giời xá động trần ai, (3)
Dẫu vàng nghìn lạng dễ cười một khi! (4)

Gẫm nhân sự cớ chi ra thế?
Sợi sích thằng (5) chi để vướng chân!
Vắt tay nằm nghĩ cơ trần, (6)
Nước dương (7) muốn giẩy nguội dần lửa duyên.
Kìa! thế cục (8) như in giấc mộng,
Máy huyền vi (9) mở đóng khôn lường!

---

(1) 我心非石不可轉也. Ngã tâm phi thạch bất khả chuyển giã. Lòng ta chẳng phải là đá làm thế nào cho chuyển được. Nghĩa là đá thì lấy sức chuyển được, lòng người ta không phải là đá thì làm thế nào mà chuyển được?

(2) *Thiên thai*: Núi tiên ở. Xưa Lưu Thần, Nguyễn Triệu, ngày đoan-ngọ lên núi Thiên thai hái thuốc, lạc đường, gặp hai nàng tiên giữ ở nửa năm. Khi về thì đã qua bảy đời rồi. Câu này nói những kẻ tầm thường dễ mà được lại gần mình.

(3) *Trần ai*: Bụi bậm, khổ sở, thế gian là chốn trần ai.

(4) 千金難買一笑 Thiên kim nan mãi nhất tiếu. Nghìn vàng khó mua được một tiếng cười.

(5) *Sích thằng*: Dây đỏ của Nguyệt-lão buộc chân người có duyên với nhau cho thành vợ chồng. (Xem chuyện Vi-Cố ở Tình-sử.)

(6) *Cơ trần*: Cái máy đời, sự đời.

(7) *Nước dương*: Nhà phật dùng cành dương-liễu dúng vào nước cam-lồ để tẩy uế hay cứu khổ.

(8) *Thế cục*: Cuộc đời, cuộc đời chẳng khác gì giấc chiêm bao.

(9) *Huyền vi*: Huyền: mờ tối khó hiểu. Vi: nhỏ nhặt. Đời có nhiều nhẽ tối tăm, nhiệm nhặt, không ai hiểu được.

Vẻ chi ăn uống sự thường,
Cũng còn tiền định, khá thương, lọ là! (1)
Đòi rất mực thiên ma bách chiết, (2)
Hình thì còn, bụng chết đòi nau! (3)
Thảo nào khi mới chôn rau,
Đã mang tiếng khóc ban đầu mà ra. (4)
Khóc vì nỗi thiết tha sự thế.
Ai bày trò bãi bể nương dâu? (5)

---

(1) 澤雉十步一啄, 百步一飲, 不蘄畜乎樊中. Trạch trĩ thập bộ nhất trác, bách bộ nhất ẩm, bất kỳ súc hồ phàn trung. Con trĩ đồng đi mười bước mổ một cái, đi trăm bước uống một hớp, không mong người ta nuôi ở trong lồng. Nghĩa là biết an phận không cầu gì khác nữa. Nay người ta nói: 一飲一啄莫非前定 Nhất ẩm nhất trác mạc phi tiền định là vốn ở đấy. (Một hớp uống, một miếng ăn, không gì là không có số định trước.)

(2) *Thiên ma bách chiết*: Nghìn lần mài, trăm lần gẫy. Ý nói khó nhọc, vất vả.
Câu này có bản chép là:
Đòi *những kẻ* thiên ma bách chiết.

(3) Chỉ còn cái xác người, tâm trí hỏng hết cả rồi.

(4) Tiếng khóc thứ nhất khi mới lọt lòng mẹ ra.
Câu này có bản chép là:
Đã mang tiếng khóc *bưng đầu* mà ra.

(5) *Bãi bể nương dâu* là nói cuộc đời biến đổi, bãi bể hóa ra ruộng dâu.

Trắng răng cho đến bạc đầu, (1)
Tử, sinh, kinh, cụ, làm nau mấy lần ? (2)
Cuộc thành bại hầu cằn mái tóc, (3)
Lớp cùng thông như đúc buồng gan. (4)
Bệnh trần đòi đoạn tân toan, (5)
Lửa cơ đốt ruột, dao hàn cắt da. (6)
Gót danh lợi bùn pha sắc xạm, (7)
Mặt phong trần nắng rám mùi dâu. (8)

---

(1) Câu này có bản chép là:
Trắng răng *đến thửa* bạc đầu.

(2) Bao nhiêu cái sống, cái chết, cái hãi, cái sợ ở đời làm đau ông mấy mươi lần.

(3) Lo tính cuộc nên thua làm cho tóc ở trên đầu cằn lại không mọc ra được.

(4) Đời người, lúc khốn bĩ, khi trơn trủ làm cho buồng gan rắn lại như đúc. Câu này có bản chép là:
Lớp cùng thông như *đốt* buồng gan.

(5) *Bệnh trần*: Sự đau đớn ở đời. *Đòi đoạn*: Nhiều phen. *Tân toan*: Đắng chua. Đời người chỉ có chua cay.
Câu này có bản chép là:
Bệnh trần đòi đoạn *tàm can*.

(6) Đói quá ruột nóng như lửa đốt, rét buốt như dao cắt vào thịt. Bạch Cư-Dị có câu rằng: 壯者不可耐, 飢火燒其腸. Tráng giả bất khả nại, cơ hỏa thiêu kì trường. Người nhớn không thể chịu được, đói như lửa đốt ruột. Thơ Tô Triệt cũng có câu rằng: 飢火燒腸作牛吼. Cơ hỏa thiêu trường tác ngưu hống. Lửa đói đốt ruột làm cho kêu lên như trâu rống.

(7) Gót chân kẻ bôn ba cầu danh, cầu lợi dính bùn luôn xạm đen lại.

(8) *Phong trần*: Gió nổi bụi bay. Những kẻ chạy chọt lắm nắng làm cho má rám đen như mùi da dâu.

Nghĩ thân phù thế (1) mà đau,
Bọt trong bể khổ, (2) bèo đầu bến mê. (3)
Mùi tục vị, lưỡi tê tân khổ, (4)
Đường thế đồ, gót rỗ khi khu. (5)
Sóng cồn cửa bể nhấp-nhô,
Chiếc thuyền bào ảnh lô-sô dập-dềnh, (6)

---

(1) *Phù thế* tức là *phù sinh*. Nói người ta ở đời bồng bềnh như một vật gì nổi ở trên mặt nước.

(2) *Bể khổ* dịch ở chữ khổ hải. Nhà Phật cho trần gian là bể khổ, người ta như cái bọt bập-bềnh ở trong bể ấy.

(3) *Bến mê* dịch ở chữ mê tân. Kinh nhà Phật nói cuộc đời làm cho người ta trôi giạt như cánh bèo vào chỗ khổ. Chỗ khổ ấy gọi là bến mê.

(4) *Tục vị*: Mùi trần. *Tân khổ*: Cay đắng. Mùi đời thấy là cay đắng, lưỡi trải nếm mãi tê đi không biết nữa.

(5) Đời người ví như cái đường gập-ghềnh khấp-khểnh đi mãi gót chân rỗ cả ra.

(6) *Bào*: Bọt nước, *Ảnh*: cái bóng. Đời người như cái bóng, cái bọt nước. Kinh Kim-Cương có câu rằng: — 切有爲法, 如夢幻泡影. Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng ảo bào ảnh. Hết thảy việc đời như chiêm bao, như bọt nước, như cái bóng. Câu này có bản chép rằng:

Chiếc thuyền bào ảnh *thấp-thỏ mặt ghềnh*.

Trẻ tạo-hóa đong đành quá ngán,
Chết đuối người trên cạn mà chơi! (1)
Lò cừ (2) nung nấu sự đời,
Bức tranh vân cẩu (3) vẽ người tang thương.
Đền vũ tạ, (4) nhện giăng cửa mốc,
Thú ca lâu, dế khóc canh dài.
Đất bằng bỗng rấp chông gai,
Ai đem nhân ảnh, nhuốm mùi tà dương? (5)

---

(1) Con Tạo bắt người ta chết đắm ở cạn mới thực là chơi ác. Câu này có nhẽ lấy nghĩa ở hai chữ « Lục trầm » chết đắm ở cạn.

Hai câu này có bản chép là :

Trẻ Tạo-hóa *đành hanh* quá ngán,
Giắt dìu người *lên* cạn mà chơi.

(2) *Lò cừ* : Lò đúc to, tức là giời đất. 天地爲爐，造化爲工，陽陰爲炭，萬物爲銅. Thiên địa vi lô, Tạo-hóa vi công, âm dương vi thán, vạn vật vi đồng. Giời đất làm lò, Tạo-hóa làm thợ, khí âm khí dương làm than, muôn vật làm đồng.

(3) *Vân cẩu* : Lấy ở bốn chữ 白雲蒼狗. Bạch vân thương cẩu : mây trắng, chó xanh, mà bốn chữ ấy gốc ở hai câu thơ của Đỗ Phủ. 天上浮雲如白衣，須臾忽變爲蒼狗. Thiên thượng phù vân như bạch y, tu du hốt biến vi thương cẩu. Đám mây nổi ở trên giời như cái áo trắng, vụt chốc biến ra như con chó xanh. Bây giờ có người đổi câu này ra là : Tranh giời vân cẩu, cuộc đời tang thương.

(4) *Vũ* : Múa. *Tạ* : Đình trung quanh có cây cối ; chỗ múa hát.

(5) *Nhân ảnh* : Bóng người. *Tà dương* : Bóng mặt giời về chiều. Câu này có bản chép là :

Ai đem nhân *sự* nhuộm mùi tà dương.

Mời phú quí dử làng xa mã.
Bả vinh hoa, lừa gã công khanh.
Giấc nam kha (1) khéo bất tình, (2)
Bừng con mắt dậy, lại mình tay không!
Sân đào lý (3) rêu phong man-mác;
Nền đỉnh chung, (4) nguyệt gác mơ-màng.

---

(1) *Giấc nam kha*: Giấc mộng. Lý Công-Tá đời Đường làm bài ký Nam-kha kể rằng: Thuần-vu-Phần nằm mộng thấy đến nước Hòe-an. Vua nước ấy gả con gái cho rồi lại phong cho làm thái-thú quận Nam-kha, phú quí cực phẩm. Sau đi đánh giặc thua, công-chúa lại chết, vua đem lòng ngờ, cho về. Khi tỉnh dậy tìm quanh thì thấy chỗ mình nằm là gốc cây hòe. Dưới cây hòe có một tổ kiến. Tổ kiến ấy làm ở dưới cành về phía nam cho nên gọi là nam kha.

(2) *Bất tình*: cũng như là vô tình. Có bản chép là:
Giấc nam kha khéo bất *bình*.

(3) *Sân đào lý*: Nhà phú quí sân giồng nhiều cây cối. Câu này có bản chép là:
Sân đào lý *mưa lồng* man mác.

(4) *Đỉnh*: Vạc đúc bằng kim loại; ba chân, hai tai. Vua Hạ Vũ 夏禹 lấy vàng chín châu đúc chín cái đỉnh, có chín cái đỉnh ấy là có thiên hạ. Bên ta nhà Nguyễn cũng bắt chước đúc cửu đỉnh, bây giờ bày ở sân nhà Thế-miếu. Chữ đỉnh đây có nghĩa là cái vạc dùng để đựng đồ ăn cho nóng. *Chung* là cái chuông. Những nhà phú quí, nhà rộng, người nhiều, đến bữa ăn đánh chuông để gọi nhau. Hai chữ đỉnh chung chỉ nhà phú quí ăn thì đồ ăn đựng bằng đỉnh, lúc ăn thì đánh chuông.

Cánh buồm bể hoạn (1) mênh mang,
Cái phong ba (2) khéo cợt phường lợi danh!
Quyền họa phúc giời tranh mất cả,
Chút tiện nghi (3) chẳng giả phần ai!
Cái quay búng sẵn trên giời,
Mờ-mờ nhân ảnh như người đi đêm! (4)
Hình mộc, thạch, vàng kim, ố cổ, (5)
Sắc cầm, ngư, ủ vũ, e phong. (6)
Tiêu-điều nhàn sự đã xong,
Sơn hà cũng ảo, côn trùng cũng hư! (7)

---

(1) *Bể hoạn* : dịch ở hai chữ *hoạn hải*, nghĩa là đường làm quan. Sách Tiền-truyện thập-di có chép rằng : Nhan Chân-Khanh đỗ tiến-sĩ, có người đạo nhân đưa cho câu kệ rằng : 子有清簡之名可以度世上補天官，不宜自沉于名宦之海. Tử hữu thanh giản chi danh, khả dĩ độ thế thượng bổ thiên quan, bất nghi tự trầm vu danh hoạn chi hải. Gã có cái tiếng là thanh giản, có thể thoát trần bổ làm quan trên giời, chớ nên chìm đắm ở bể hoạn.

(2) *Phong ba* : Sóng gió. Cái sóng gió ở bể hoạn hay trêu những kẻ vụ danh, vụ lợi.

(3) *Tiện nghi* : Cái quyền xếp đặt. Câu này nghĩa là một mình ông giời giữ cả cái quyền xếp đặt không để cho người.

(4) Hai câu này chỉ đời người ta như cái quay, ông giời búng lắt đi, không biết nó soay đi đến đâu, nó ngả vào chỗ nào, chẳng khác gì như người đi đêm tối không rõ đường cứ đi liều.

(5) *Mộc* : Gỗ. *Thạch* : đá. Gỗ đá lâu ngày cũng vàng cũng ố.

(6) *Cầm* : Chim. *Ngư* : cá. Chim cá cũng sợ mưa gió, vì gió to chim phải sa, mưa mãi cá phải chết.

(7) Việc người tiêu điều, buồn khổ đã đành, mà đến sông núi cũng hão huyền cả, sâu bọ cũng là hư không cả.

Cầu Thệ thủy ngồi trơ cổ độ, (1)
Quán Thu phong đứng rũ tà huy. (2)
Phong trần đến cả sơn khê, (3)
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.
Trò ảo hóa (4) đã bày ra đấy,
Kiếp phù sinh (5) trông thấy mà đau.
Trăm năm còn có gì đâu,
Chẳng qua một nấm cỏ khâu xanh rì. (6)

Mùi tục lụy (7) dường kia cay đắng,
Vui chi mà đeo đẳng trần duyên.

---

(1) *Thệ thủy*: là nước chảy. Đây lấy hai chữ Thệ thủy làm tên cầu. Cái cầu nát ở bến đò cũ không ai qua lại nữa trông như ngồi trơ trọi có một mình.

(2) *Thu phong*: Gió mùa thu. Đây là tên cái quán. *Tà huy*: Bóng mặt giời về buổi chiều, ngày mùa thu mà lại về buổi chiều, ở giữa cánh đồng mông mênh, chỉ có cái quán trơ trọi trông như buồn rũ xuống.

(3) *Sơn khê*: Núi, khe. Núi khe cũng phải điên đảo.

(4) *Ảo hóa*: Biến hóa như quỉ thuật. Cuộc đời như trò quỉ thuật bày cả ra trước mắt. Chữ 幻 ta thường đọc là chữ ảo, song theo cho đúng thì phải đọc là chữ hoạn.

(5) *Phù*: Nổi. *Sinh*: Sống. 其生若浮兮. 其死若休. Kỳ sinh nhược phù hề, kỳ tử nhược hưu. Sống thì như trôi nổi, chết mới là nghỉ.

(6) *Cỏ khâu*: Cỏ mọc ở trên nấm mồ. Chết là hết, chỉ còn nấm cỏ khâu đấy thôi.

(7) *Tục*: Trần phàm. *Lụy*: Bị buộc. Tức là cái lụy ở đời.

Cái gương nhân sự chiền-chiền,
Liều thân này với cơ thiền (1) phải nao.
Thà mượn thú tiêu dao (2) cửa Phật,
Mối thất tình (3) quyết dứt cho xong.
Đa mang chi nữa đèo-bòng,
Vui gì thế sự mà mong nhân tình.
Lấy gió mát, giăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm (4), đuốc tuệ (5) làm duyên.
Thoát trần một gót thiên nhiên,
Cái thân ngoại vật (6) là tiên trong đời.

Chí cũng rắp ra ngoài đào chú (7)
Quyết lộn vòng phu phụ cho cam!

---

(1) *Cơ* : Máy. *Thiền* : Tĩnh. Đạo phật lấy thanh tĩnh làm trọng, cho nên gọi là thiền. Câu này nói lấy cái tu là hơn.

(2) *Tiêu dao* : Thản nhiên không có gì bận đến lòng cả. Câu này có bản chép là :

Ngày mượn thú tiêu dao cửa phật.

(3) *Thất tình* : Đây là thất tình bèn phật tức là : Hỷ (mừng) nộ (giận), ưu (lo), cụ (sợ), ái (yêu), tăng (ghét), dục (muốn).

(4) *Hoa đàm* : tức là đàm hoa. Hoa một thứ cây cao bốn năm thước tàu lá bầu và nhọn, hoa nở về mùa hè, sắc đỏ, hoa ấy bền lắm, hàng tháng không tàn. Ta cho hai chữ hoa đàm là hoa cây sung vả nói sung có hoa là đạo phật thịnh.

(5) *Đuốc tuệ* : Đuốc sáng láng. Nhà phật thường có những chữ như tuệ nhỡn, tuệ tâm.

(6) *Ngoại vật* : thoát ra ngoài cái vật chất không dính dáng gì với đời.

(7) *Đào* : Nặn. *Chú* : Đúc. Hai chữ đào chú đây nghĩa cũng như hai chữ đào giả. Câu này có bản chép là :

Ý cũng rắp ra ngoài đào chú.

Ai ngờ giời chẳng cho làm,
Quyết đem dây thắm mà giam bông đào !
Hẳn túc chướng (1) làm sao đây tá ?
Hay tiền nhân, hậu quả (2) xưa kia ?
Hay thiên cung có điều gì ?
Xuống trần mà giả nợ đi cho rồi !
Kìa điểu thú là loài vạn vật,
Dẫu vô tri cũng bắt đèo-bòng.
Có âm dương, có vợ chồng,
Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê.
Đường tác hợp (3) giời kia giun giủi,
Trốn làm sao cho khỏi nhân tình ?
Thôi thôi, ngảnh mặt làm thinh.
Thử xem con Tạo, ấn mình nơi nao ? (4)

---

(1) *Túc chướng* : Tội nợ những kiếp trước.

(2) *Tiền nhân* : Cái nguồn cớ kiếp trước. *Hậu quả* : Cái kết quả kiếp sau.

(3) *Tác* : Làm. *Hợp* : Họp mặt. Duyên vợ chồng là tự như giời xe. Kinh Thi có câu 天作之合 Thiên tác chi hợp. Giời làm cho hợp ; lại có câu 自天作合 Tự thiên tác hợp. Tự giời làm cho xum hợp.

(4) Đoạn này có bản chép là :
Đường tác hợp giời kia giun giủi,
Lọt làm sao cho khỏi nhân tình.
Thôi thôi ngoảnh mặt làm thinh,
Thử xem con tạo *gieo* mình nơi nao.

Tày Nguyệt lão cớ sao có một, (1)
Bỗng lơ tình vướng gót cung phi !
Cái đêm hôm ấy đêm gì ?
Bóng dương lồng bóng trà mi trập-trùng (2)
Chồi thược-dược mơ-màng thụy vũ, (3)
Đóa hải-đường thức ngủ xuân tiêu. (4)
Cành xuân hoa chúm-chím chào,
Gió đông thôi đã trêu đào, cợt mai. (5)
Xiêm nghê (6) nọ, tả-tơi trước gió,
Áo vũ kia, lấp-ló trong giăng.
Sinh ca mấy khúc vang-lừng,
Cái thân Tây-tử (7) lên chừng điện Tô. (8)

---

(1) Câu này có bản chép là :
Tay Nguyệt-lão *khờ* sao có một,
lại có nơi chép là : *hư* sao có một.

(2) *Bóng dương* : Bóng mặt giời. Đây chỉ vua 日爲君象 Nhật vi quân tượng : Mặt giời là tượng vua. *Trà mi* : hoa trà, ví người gái đẹp. Câu này ý nói người đẹp được vua yêu.

(3) *Thụy vũ* : Mưa phải thì ; hoa thược-dược được mưa xuân thấm vào.

(4) *Xuân tiêu* : Đêm mùa xuân. Đường Minh-hoàng bảo Dương quí-phi rằng: 海棠睡未足耶. Hải-đường thụy vị túc da. Đóa hải-đường ngủ chưa đủ ư.

(5) *Gió đông* : Gió đàng đông lại tức là gió mùa xuân. Câu này có bản chép rằng :
Gió đông thôi đã *cợt* đào, *ghẹo* mai.

(6) *Xiêm nghê* : Xiêm may đủ các mùi như mùi cầu vồng.

(7) *Tây-tử* tức là Tây-Thi.

(8) *Điện Tô* : Đền ở thành Cô-tô. Ngô Phù-sai được nàng Tây-Thi làm đền đài lâu các ở Cô-tô để cho Tây-Thi ở.

Đệm hồng thúy (1) thơm-tho mùi sạ,
Bóng bội hoàn (2) lấp-ló giăng thanh.
Mây mưa mấy giọt chung tình,
Đình trầm (3), xuân khóa một cành mẫu-đơn. (4)
Gẩy khúc phượng cung đàn thúy dịch, (5)
Thổi hơi kim ngọn địch đan chỉ. (6)
Càng đàn, càng địch, càng mê,
Càng gay-gắt điệu, càng tê-tái lòng!
Mày ngài lần mặt rồng (7) lồ-lộ,
Sắp song song đôi đũa nhân duyên. (8)

---

(1) *Hồng thúy*: Chim chả biếc.

(2) *Bội hoàn*: Bộ ngọc đeo.

(3) *Đình trầm*: Đình làm toàn bằng gỗ trầm hương. Đường Minh-hoàng với Dương Quí-phi thưởng hoa ở cung Hưng-khánh, Lý Bạch đặt bài hát trong có câu rằng: 解釋東風無限恨. 沉香亭北倚闌干. Dải thích đông phong vô hạn hận. Trầm hương đình bắc ỷ lan can. Gió mùa xuân dải được hết cái hận vô hạn, tựa vào lan can ở mé bắc đình trầm hương.

(4) Câu này có bản chép là:
Đình trầm *hương* khóa một cành mẫu đơn.

(5) *Thúy*: Mùi biếc lông chả. *Dịch*: nhà làm ở hai bên cung điện chỗ cung-tần ở.

(6) *Đan*: Sắc đỏ. *Chỉ*: thềm sơn son. Bài phú của Trương Hành có chữ 青瑣丹墀, thanh tỏa, đan chỉ: cửa sơn xanh, thềm sơn đỏ. Hai câu này có bản chép là:
Tiếng thánh thót cung đàn thúy dịch,
Giọng nỉ-non ngọn địch đan chỉ.

(7) *Mặt rồng*: mặt vua.

(8) Nhân duyên như đũa có đôi, câu này có bản chép là:
Sắp song song đôi *lứa* nhân duyên;
Lại có bản chép là: đôi nối nhân duyên.

Hoa thơm muôn đội ơn trên,
Cam công mang tiếng thuyền quyên (1) với đời !
Trên chín bệ mặt giời gang tấc, (2)
Chữ xuân riêng sớm chực, trưa chầu.
Phải duyên hương lửa cùng nhau,
Xe dê (3) lọ rắc lá dâu mới vào ?
Khi ấp mận, ôm đào gác nguyệt,
Lúc cười hoa, cợt tuyết đền phong. (4)
Đóa lề ngon mắt cửu trùng,
Dầu mày điểm nhạt, nhưng lòng cũng xiêu.
Vẻ vưu vật (5) trăm chiều chải chuốt,
Lòng quân vương chi-chút trên tay;

---

(1) *Thuyền quyên* : Vẻ đẹp. Đây chỉ đàn bà đẹp.
Câu này có bản chép là :
Cam công *lá hạ mang lên trên* đời.

(2) Sách Tả chuyện chép rằng : Tề Hoàn.công làm bá, họp các nước chư-hầu ở Quỳ-kỳ chầu vua, vua nhà Chu cho phúc tộ không bắt lạy. Hoàn-công tâu rằng : Thiên uy bất vi nhan chỉ sích 天威不違顏咫尺. Trước mặt rồng không dám sai một gang, một tấc. Lạy rồi mới dám nhận.

(3) *Xe dê* : Vua Vũ-đế nhà Tấn có nhiều cung nữ đẹp, không biết đến cung nào, ngồi xe cho dê kéo đưa đến cung nào thì ngự ở cung ấy. Cung nhân lấy lá tre giắt vào cửa, lấy nước muối dầy ở cửa, để dử cho dê đến. Đây đổi lá tre ra lá dâu cho có vần.

(4) *Đền phong* : Phong đình, cái đình chung quanh có giồng cây phong. Câu này có bản chép là :
Lúc cười *sương*, cợt tuyết đền phong.

(5) *Vưu vật* : Vật rất hiếm, rất quí. Tả-chuyện có câu : 夫有尤物，足以移人. Phù hữu vưu vật, túc gĩ di nhân. Có cái vật quí đủ làm chuyển được lòng người. Câu này các bản quốc-ngữ chép là :
Vẻ vưu vật trăm chiều *đưa đón*.

Má hồng không thuốc mà say,
Nước kia muốn đổ, thành này muốn long.
Vườn Thượng-uyển, khúc trùng Thanh dạ, (1)
Gác Lâm-xuân, (2) điệu ngả Đình hoa. (3)
Thừa ân một giấc canh tà,
Tỏ mờ nét ngọc, lập-lòa vẻ son.
Trong trướng gấm chi tôn vòi-vọi,
Những khi nào gần gụi quân vương.
Dẫu mà ai có nghìn vàng,
Đố ai mua được một tràng mộng xuân? (4)

---

(1) *Thượng uyển*: Vườn vua nhà Tần dựng lên, sau Hán Vũ-đế mở rộng thêm ra. Vườn ấy ở tỉnh Thiểm-tây, bây giờ hãy còn.

Thanh dạ: Tên một khúc nhạc, cung nữ hát ban đêm.

Câu này có bản chép là:

Vườn *thanh* uyển, khúc trùng *nguyệt* dạ.

(2) *Lâm-xuân*: Tên gác. Trần Hậu-chủ làm ba cái gác liền nhau toàn bằng gỗ trầm và gỗ đàn hương đặt tên là Lâm-xuân, Kết-ỷ, Vọng-xuân.

(3) *Đình hoa*: Khúc Hậu-đình hoa. Trần Hậu-chủ mỗi khi yến tiệc với quí-phi và tân khách, thì khiến những văn nhân, cung nữ làm thơ từ đối đáp nhau. Những bài hay lấy làm bài hát thành một tập gọi là khúc Hậu-đình hoa.

(4) Tô Đông-Pha khi già về ở đất Xương-hóa, thường ôm bầu rượu to vừa đi ngoài đồng, vừa hát. Có người đàn bà già bảo rằng: Nội hàn tích nhật phú quí nhất tràng xuân mộng. 內翰昔日富貴一場春夢, cái giầu sang của quan Nội hàn khi xưa đánh thoáng như một giấc mộng mùa xuân.

Thôi cười nọ, lại nhăn mày liễu, (1)
Ghẹo hoa kia, lại diễu gót sen. (2)
Thân này uốn ẹo vì duyên,
Cũng cam một tiếng thuyền quyên dễ đời! (3)
Lan mấy đóa lạc loài sơn dã, (4)
Uổng mùi hương vương giả (5) lắm thay!
Ngẫm như cân chất (6) duyên này,
Cam công đặt cái khăn ngày tắc-ơ! (7)

---

(1) *Nhăn mày liễu* : Xưa Tây-Thi đau bụng mặt nhăn lại cũng đẹp. Nàng Đông-Thi người rất xấu thấy thế cũng bắt chước, lại càng xấu thêm, người ta ngỡ ma quỉ phải chạy.

(2) *Gót sen* : Tề Đông-hầu lấy vàng đánh như hoa sen lát đất cho nàng Phan phi đi và nói rằng : « Bước một bước nầy ra một bông sen ». Nay dùng hai chữ gót sen để chỉ chân gái đẹp.

(3) Câu này có bản chép là :
Cũng cam một tiếng thuyền quyên *với người*.

(4) Lan là một thứ hoa quí mà mọc ở chốn rừng núi thì uổng mất cả cái hương. Chữ nho có câu rằng : 蘭長深林兮, 孰含其香. Lan trưởng thâm lâm hề, thục hàm kỳ hương. Cây lan ở chốn rừng sâu thì ai biết được cái hương.

(5) 蘭常爲王者香. Lan đương vi vương giả hương. Hoa lan đáng làm hương của vương giả.

(6) *Cân* : cái khăn ; *chất* : cái lược. Đồ dùng để rửa mặt chải đầu. Tả-chuyện có câu : 寡君之使婢子侍執巾櫛, Quả quân chi sử tì tử thị chấp cân chất. Quả quân khiến đầy tớ gái hầu khăn lược. Nói phận lẽ mọn. Lại có câu 余以巾櫛事先君 Dư dĩ cân chất sự tiên quân. Ta hầu khăn lược đức tiên quân. Câu này là của bà Định-Khương ; câu nói khiêm của vợ cả.

(7) *Đặt khăn* : dịch ở hai chữ thiết thuế. Sách Lễ-ký có câu rằng : 生男子設弧於門左, 女子設帨於門右. Sinh nam tử thiết hồ ư môn tả, nữ tử thiết thuế ư môn hữu. Sinh con giai đặt cái cung ở bên tả cửa, sinh con gái đặt cái khăn ở bên hữu cửa. *Tắc ơ* : Sinh con gái bố mẹ chán, tắc lưỡi.

Tranh tị-dực (1) nhìn ưa chim nọ,
Đồ liên-chi (2) lần trỏ hoa kia.
Chữ đồng lấy đấy làm ghi,
Mượn nhời thất tịch mà thề bách niên. (3)
Hạt mưa dã lọt miền đài-các,
Những mừng thầm cá nước duyên may!
Càng lâu càng lắm mầu hay,
Cho cam công kẻ rủng tay thùng tràm!

Ai ngờ bỗng một năm một nhạt,
Nguồn ơn kia không tát mà vơi! (4)
Suy đi đâu biết cơ giời, (5)
Bỗng không mà hóa ra người vị-vong. (6)

---

(1) *Tranh tị dực* : Bức tranh vẽ đôi chim bay liền cánh với nhau. Thứ chim ấy gọi là kiêm-kiêm, con đực, con cái không liền cánh với nhau thì không bay. Thơ Bạch Cư-Dị có câu : 在天願作比翼鳥. Tại thiên nguyện tác tị-dực điểu. Ở trên giời xin làm chim liền cánh.

(2) *Đồ liên chi* : Bức tranh vẽ hai cây giao cành với nhau. Thơ Bạch Cư-Dị có câu : 在地願作連理枝. Tại địa nguyện tác liên lí chi. Ở dưới đất xin làm cây liền cành.

(3) *Thất tịch* : Đêm mùng bảy tháng bảy, tục truyền trong một năm chỉ có ngày ấy Ngưu-lang, Chức-nữ mới được gặp nhau. Đường Minh-Hoàng đêm hôm mùng bảy tháng bảy thề với nàng Quí-phi có câu « Bách niên giai lão ». Sống với nhau đến già.

(4) Cái ơn vua một ngày một kém đi, như nước không ai tát mà cạn dần. Câu này có bản chép là :
Nguồn *cơn* kia chẳng tát mà vơi.

(5) *Cơ giời* : Máy giời.

(6) *Vị vong* : Chưa mất, tiếng xưng của đàn bà hóa.

Đuốc vương-giả chi công là thế,
Chẳng xoi cho đến kẽ âm nhai ! (1)
Muôn hồng, nghìn tía đua tươi,
Chúa xuân nỡ hái một hai bông gần. (2)
Vốn đã biết cái thân câu chõ, (3)
Cá no mồi cũng khó dử lên.
Ngán thay cái én ba nghìn,
Một cây cù mộc (4) dễ chen cành nào ?
Song cũng cậy má đào tron-trót, (5)
Hẳn duyên tươi, phận tốt nơn người.

---

(1) *Âm nhai* : Hang tối. Tập truyện kinh Thư có câu rằng : 太陽雖無私其炤陰崖寒谷也獨後. Thái dương tuy vô tư kì chiếu âm nhai, hàn cốc giả độc hậu. Bóng mặt giời dẫu không tây vị mà chiếu đến chỗ sườn núi kín đáo, nơi hang lạnh lẽo về sau cùng cả.

Câu này có bản chép là :

Chẳng xoi cho đến *khóe* âm nhai.

(2) Câu này nói cung nữ nhiều mà vua chỉ yêu có một vài người thôi.

Câu này có bản chép là :

Chúa xuân *nhìn* hái một hai bông gần.

(3) Chỗ người ta đang ngồi câu, mình ghé vào đấy mà câu.

(4) *Cù mộc* : Cây cao nhớn. Vì ngôi vợ cả. Kinh Thi có câu : 南有樛木, 葛藟纍之. Nam hữu cù mộc, cát lũy luy chi. Bên nam có cây nhớn, dây sắn leo quấn lên, là nói bà Thái-tự, vợ vua Văn-vương biết dong cho bọn nàng hầu, vợ lẽ.

Câu này có bản chép là :

Một cây cù mộc, *biết* chen cành nào.

(5) Câu này có bản chép là :

Song *đã* cậy má đào tron trót.

Nào ngờ con tạo chêu ngươi,
Hang xấu thoắt hé, mặt giời lại râm. (1)
Trong cung quế (2) âm-thầm chiếc bóng,
Suốt năm canh trông ngóng lần-lần. (3)
Khoảnh làm chi bấy, chúa xuân !
Chơi hoa cho rữa nhị dần lại thôi.
Lầu đãi nguyệt, đứng ngồi dạ vũ, (4)
Gác thừa lương, thức ngủ thu phong. (5)
Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng,
Gương loan (6) bẻ nửa, giải đồng (7) xé đôi.
Chiều ủ dột giấc mai (8) trưa sớm,

---

(1) Câu này có bản chép là :
Hang sâu *chút* hé mặt giời lại râm.

(2) *Cung quế* : Cung nhà vua để cho phi tần ở. Xưa Hán Vũ-đế có làm một cái cung gọi là quế cung. Trần Hậu-chủ cũng làm quế cung cho nàng Trương Lệ-Hoa ở. Cung ấy cửa tròn như mặt giăng, lồng kính. Sàn sau dựng một bức tường bôi phấn trắng, giữa sàn chỉ giồng một cây quế.

(3) Câu này có bản chép là :
Đêm năm canh trông ngóng lần lần.

(4) Ở trên lầu chờ giăng lên, giời lại mưa, buồn tênh, hết đứng lại ngồi.

(5) Ở gác để hóng gió mát thì lại gặp gió thu lạnh lẽo.

(6) *Gương loan* : Gương hai vợ chồng soi chung.

(7) *Giải đồng* : Dây lụa tết lại gọi là đồng tâm kết. Xưa Tùy Dạng-đế kết đồng tâm kết ban cho cung nữ để tỏ ý yêu thương nhau.

(8) 相思一夜梅花發，忽到窻前疑是君. Tương tư nhất dạ mai hoa phát, Hốt đáo song tiền nghi thị quân. Nhớ nhau một đêm hoa mai nở, Phất phơ ở trước cửa sổ ngờ là tình nhân.

Vẻ bâng-khuâng hồn bướm (1) vẩn-vơ.
Thảm khuê vắng ngắt như tờ,
Cửa châu gió lọt, rèm ngà sương treo. (2)
Ngấn phượng liễn (3) tròm rêu lỗ-chỗ,
Dấu dương xa (4) áng cỏ quanh-co.
Cung đình, chiều nhạt vẻ thu, (5)
Gối loan tuyết đóng, chăn cù giá đông.
Ngày sáu khắc tin mong nhạn lắng, (6)
Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền.

---

(1) Trang-Chu chiêm bao hóa ra bướm nhẹ nhàng bay phấp phới, tỉnh dậy thì sờ-sờ lại là Trang-Chu. Trang-Chu nói : « Chẳng biết Trang-Chư chiêm bao hóa ra bướm bay là bướm mộng hóa ra Trang-Chu ».

(2) Gió lọt qua cửa giát chân châu, sương đính vào mành làm bằng ngà như treo vào đấy. Câu này có bản chép là :
Cửa châu gió lọt, mành ngà sương *gieo*.

(3) *Phượng liễn* : Xe vua ngự có chạm phượng.

(4) *Dương xa* : Xe dê kéo.

(5) Câu này có bản chép là :
Lầu Tần, chiều nhạt vẻ thu.

(6) *Tin nhạn* : Gốc ở hai chữ nhạn túc. Đời Hán, Tô Vũ sang sứ Hung-nô phải đầy ra Bắc-hải chăn dê. Sau Hung-nô hòa với Hán, nhà Hán cho sứ sang đòi bọn Tô Vũ. Vua nước Hung-nô nói dối rằng bọn Tô Vũ chết cả rồi. Có người tên là Thường-Huệ xui sứ-giả nói với Đan-vu rằng : « Vua Hán bắn được con nhạn ở chân có buộc một mảnh lụa trắng nói bọn Tô Vũ phải đầy ở chỗ ấy chỗ nọ ». Sứ-giả cứ thế nói, Đan-vu sợ, phải tạ tội. Người sau dùng điển ấy để chỉ tin tức.
Câu này có bản chép là :
Ngày sáu khắc tin mong nhạn *vắng*.

Lạnh lùng thay, giấc cô miên! (1)
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.
Tranh biếng ngắm trong đồ tố nữ,
Mắt buồn trông trong cửa nghiêm lâu. (2)
Một mình dứng tủi ngồi sầu,
Những than với nguyệt lại rầu với hoa!
Buồn mọi nỗi, lòng đà khắc-khoải,
Ngán trăm chiều, bước lại ngần-ngơ.
Hoa này bướm nỡ thờ-ơ,
Đề gầy bóng thắm, để xơ nhị vàng!
Đêm năm canh lần nương vách quế,
Cái buồn này ai để giết nhau.
Giết nhau chẳng cái lưu-cầu, (3)
Giết nhau bằng cái u-sầu, độc chưa!
Tay nguyệt lão khéo xe chẳng-chớ! (4)
Xe thế này có dở-dang không?

---

(1) *Cô miên*: Nằm một mình

(2) *Nghiêm lâu*: Chỗ vua ở, uy nghiêm cho nên gọi là nghiêm lâu.
Câu này có bản chép là:
Mặt buồn trông *trên gác* nghiêm lâu.

(3) *Lưu cầu*: Một thứ đồ binh hình cong và nhọn, cũng có người cho là thanh bảo kiếm của Vũ-vương giết Trụ-vương.

(4) Câu này có bản chép là:
Tay nguyệt lão *chẳng xe thì chớ*.
Lại có bản chép là:
Tay nguyệt lão *hư sao chăng chớ*.

Đang tay muốn dứt tơ hồng,
Bực mình muốn đạp tiêu phòng mà ra!
Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,
Đóa hồng đào hái buổi còn xanh.
Trên gác phượng,(1) dưới lầu oanh,(2)
Gối du-tiên (3) hãy rành-rành, song-song.
Bây giờ bỗng ra lòng dẻ-dúng,
Để thân này tóc mỏng tơ mành. (4)
Đông quân sao khéo bất bình!
Cành hoa tàn nguyệt, bực mình hoài xuân! (5)
Nào thủa dạo vườn xuân hôm nọ, (6)
Cành liễu mành bẻ thủa đang tơ;

---

(1) *Gác phượng*: Lầu, mà các góc mái cong như hình con phượng. Phượng lâu có mười hai trùng, bốn cổng, tám cửa sổ, không nên lẫn phượng lâu với phượng các vì phượng các là chỗ làm việc quan.

(2) *Lầu oanh*: Lầu của nhà Tống dựng ở Cù-châu.

(3) *Gối du-tiên*. Sách Khai Thiên di sự chép rằng: Đời Đường, nước Qui-Tư dâng một cái gối đỏ như mã não, ôn nhuần như ngọc, nằm đề đầu vào thì thấy mười châu, ba đảo tiên, bốn bể, năm hồ. Vua gọi gối ấy là Du-tiên trầm.

(4) Hai câu này có bản chép là:
Bây giờ đã ra lòng *duồng dẫy*,
Để thân này *cỏ áy* tơ mành.

(5) *Hoài xuân*: Mong nhớ mùa xuân. Nói lòng con gái muốn có chồng. Kinh Thi có câu: 有女懷春. 吉士誘之. Hữu nữ hoài xuân. Cát sĩ dũ chi. Có người con gái hoài xuân, giai lành dỗ đấy.

(6) Câu này có bản chép là:
Nào lúc tựa *lầu Tần* hôm nọ.

Khi trướng ngọc, lúc rèm ngà,
Mảnh xuân y hãy sờ-sờ dấu in.
Bây giờ dã ra lòng duồng dấy, (1)
Để thân này nước chảy, hoa trôi.
Hóa-công (2) sao khéo trêu ngươi!
Bóng đèn tà nguyệt dử mùi kí sinh. (3)
Cảnh hoa lạc, nguyệt minh (4) dường ấy,
Lửa hoàng-hôn (5) như cháy tấm son. (6)
Hoàng-hôn thôi lại hôn-hoàng, (7)
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa!
Buồn vì nỗi nguyệt tà ai trọng ;
Buồn vì điều hoa rụng ai nhìn.
Tình buồn cảnh cũng vô duyên, (8)
Tình trong cảnh ấy, cảnh bên tình này!

---

(1) Câu này có bản chép là :
Bây giờ đã ra lòng *rún rẩy*.

(2) *Hóa công* : Thợ giời. Giả Nghị có câu rằng : 且夫天地爲爐兮造化爲工. Thả phù thiên địa vi lô hề, tạo hóa vi công. Giời đất làm lò, tạo hóa làm thợ.

(3) *Kí sinh* : Sống gửi, 生寄也死歸也. Sinh ký giã tử qui giã. (Hoài nam tử) sống là gửi, thác là về.

(4) *Hoa lạc* : Hoa rụng. *Nguyệt minh* 月冥 : Giăng mờ.

(5) *Hoàng hôn* : Buổi chiều, mặt giời đã sế bóng.

(6) *Tấm son* : Lòng son, dịch ở chữ « đan tâm » ra.

(7) *Hôn hoàng* : Bóng giăng mờ. Thơ Hàn Ác có câu : 烟月愁昏黃. Yên nguyệt sầu hôn-hoàng. Nhưng ở câu này chữ hôn-hoàng nghĩa cũng như chữ hoàng-hôn.

(8) Câu này có bản chép là :
Tình buồn cảnh *lại* vô duyên.

Khi trận gió long-lay cành bích, (1)
Nghe rì-rào dế mách ngoài xa;
Mơ hồ ngỡ tiếng xe ra,
Đốt phong hương hả mà hơ áo tàn.
Ai ngờ tiếng dế than ri-rỉ, (2)
Giọng bi thu (3) ghẹo kẻ cô phòng. (4)
Vắng tanh nào thấy vân mồng, (5)
Hơi thê-lương (6) lạnh ngắt song phi huỳnh. (7)
Khi bóng thỏ (8) chênh-vênh trước nóc,
Nghe vang lừng tiếng rục ngoài hiên. (9)
Đè chừng ngỡ tiếng triệu đòi,
Nghiêng bình phấn mốc sẽ dồi má gieo. (10)

---

(1) *Cành bích* : Bích đào.

(2) *Bi thu* : Thương xót mùa thu. Sở-từ có câu : 悲哉秋之爲氣也. Bi tai thu chi vi khí giã! Thương thay khí mùa thu!

(3) *Cô phòng* : Người ở một mình một buồng.

(4) Hai câu này có bản chép là :
Ai ngờ tiếng dế *kêu* rỉ rỉ,
Giọng bi thu *gọi* kẻ cô-phòng.

(5) *Vân mồng* : Tăm hơi.

(6) *Thê lương* : Lạnh lẽo, tịch mịch.

(7) *Phi huỳnh* : Con đom đóm bay.

(8) *Bóng thỏ* : Mặt giăng. Tục truyền ở trên mặt giăng có con ngọc thỏ giã thuốc linh đơn.

(9) Câu này có bản chép là :
Nghe vang lừng tiếng rục *bên tai*.

(10) Câu này có bản chép là :
Nghiêng bình phấn mốc *mà* dồi má gieo.

Ai ngờ tiếng quyên (1) kêu ra rả,
Giọt thương xuân khóc ả sương-khuê. (2)
Lạnh lùng nào thấy ủ-ê,
Khí bi thu, sực nức hè lạc hoa.
Tiếng thúy điện cười già ra gắt!
Mùi quyền môn thắm gắt nên phai!
Nghĩ nên tiếng cửa quyền ôi, (3)
Thì thọng thả vậy, cũng thôi một đời.
Ví sớm biết lòng giời đeo đẳng,
Dẫu thuê tiền cũng chẳng mang tình. (4)
Nghĩ mình lại ngán cho mình,
Cái hoa khi đã trao cành biết sao? (5)

---

(1) *Tiếng quyên*: Tiếng cuốc kêu. Sử chép rằng: Vua nước Thục mất nước, hộc máu ra mà chết, hóa làm con cuốc, kêu hết mùa hè rồi rạc ra mà chết, cho nên có câu rằng: 蜀帝春心托杜鵑. Thục đế xuân tâm thác đỗ quyên. Lòng vua Thục thác vào con cuốc.

(2) *Sương khuê*: Buồng đàn bà hóa.
Câu này có bản chép là:
Điệu thương xuân khóc ả sương khuê.

(3) *Quyền ôi*: Quyền đã hư hỏng đi, tức là mất quyền rồi.

(4) Câu này có bản chép là:
Dẫu thuê tiền cũng chẳng *buồn tênh*.

(5) Phận con gái đã lấy chồng rồi thì làm thế nào được nữa.
Câu này có bản chép là:
Cái hoa đã trót *gieo* cành biết sao.

Miếng cao lương(1) phong lưu nhưng lợm, (2)
Mùi hoắc lẻ (3) thanh đạm (4) mà ngon.
Cùng nhau một giấc hành môn, (5)
Lâu lâu ríu rít cò con cũng tình ! (6)
Ví sớm biết duyên mình ra thế, (7)
Giải kết (8) điều eỏ-oẹ làm chi.
Thà rằng cục kịch nhà quê,
Dầu lòng nũng-nịu nguyệt kia, hoa này.
Chiều tịch[9] mịch đã gầy bóng thỏ,
Vẻ tiêu tao (9) lại võ hoa đèn.
Muốn đem ca tiếu giải phiền,
Cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu.

---

(1) *Cao* : Mỡ. *Lương* : Gạo tốt, nghĩa là đồ ngon, đồ ngọt. Sách Mạnh Tử có câu rằng : 所以不願人之膏粱之味也. Sở dĩ bất nguyện nhân chi cao lương chi vị giã. Sở dĩ thế cho nên chẳng muốn mùi thịt béo, gạo ngon của người.

(2) Câu này có bản chép rằng :
Miếng cao lương phong lưu nhưng *lạm*.

(3) *Hoắc lẻ* : Hai thứ rau thường.

(4) *Thanh đạm* : Nhạt nhẽo.

(5) *Hành môn* : Cây gỗ bắc ngang làm cửa. Nói chỗ ở thấp hẹp quê mùa. Kinh Thi có câu : 衡門之下可以棲遲. Hành môn chi hạ khả dĩ thê trì. Dưới cửa ngang có thể ở được. Chỉ người ẩn.

(6) Chồng quê mùa mà được ríu rít với chồng lâu dài lại hơn. Câu này có bản chép là :
Lau nhau ríu rít cò con cũng tình.

(7) Câu này có bản chép là :
Mình có biết phận mình ra thế.

(8) *Giải* : Cởi. *Kết* : Nút. Gỡ những điều nó bó buộc mình.

(9) *Tiêu tao* : Tiêu điều. Tịch mịch.

Ngọn tâm hỏa (1) đốt dầu nét liễu,
Giọt hồng băng (2) thấm ráo làn son.
Lại buồn đến cảnh con con,
Trà hư nước nhất, hương mòn khói đôi. (3)
Trong gang tấc mặt giời xa bấy!
Phận hẩm hiu dường ấy vì đâu.
Sinh li (4) rất mực thời Ngâu, (5)
Một năm còn thấy mặt nhau một lần.
Huống chi cũng lạm phần son phấn,
Luống năm năm chực phận phòng không.
Khéo vô duyên với cửu trùng!
Son nào nhuộm được má hồng cho tươi? (6)

---

(1) *Tâm hỏa* : Lửa lòng.

(2) *Hồng* : Đỏ. *Băng* : Nước đông lại. Nàng Tiết Linh-Vân phải tuyển vào cung, khi từ giã cha mẹ, mang theo một cái bình ngọc để đựng nước mắt. Cái bình trắng hóa đỏ, vì nước mắt đông lại thành máu.

(3) Chè pha nước nhất mà hồng, hương đốt nhiều mà ít thơm. Hai câu này có bản chép là :
Dơ buồn đến cảnh con con,
Chè *hăng* nước nhất, hương *đồn* khói đôi.

(4) *Sinh* : Sống. *Li* : Lìa. Sống mà phải xa cách nhau.

(5) *Ngâu* : Tức là Ngưu-lang. Chức-nữ, cháu nội giời, dệt gấm để giời mặc, chăm chỉ lắm, giời thương đem gả cho Ngưu lang. Chức-nữ có chồng thì bỏ cả công việc của mình, giời giận bắt về ở bên đông sông Thiên-hà, một năm chỉ đêm mùng bảy tháng bảy vợ chồng mới được gặp nhau. Câu này có bản chép là :
Sinh li *đôi rất* thời Ngâu.

(6) Câu này có bản chép là :
Thắm nào nhuộm lại *tơ* hồng cho tươi.

Vườn thượng uyển hoa cười với nắng,
Lối đi về ai chẳng chiều ong !
Duềnh Nhâm (1) một giải nông-nông,
Bóng dương bên ấy đứng trông bên này.
Tình rầu-rĩ làm ngây nhĩ mục,
Chốn phòng không như giục mây mưa.
Giấc chiêm bao những dêm xưa,
Giọt mưa cửu hạn (2) còn mơ đến rầy.
Trên chín bệ có hay chăng nhé ?
Khách quần thoa (3) chi để lạnh lùng ?
Thù nhau chi, hỡi đông phong !
Góc vườn rãi nắng một bòng hoa đào. (4)
Tay tạo hóa cớ sao mà độc,
Buộc người vào kim ốc (5) mà chơi !

---

(1) *Duềnh* : Hào. *Nhâm* : thuộc về hướng bắc. Nơi hoàng cung, cửa chính là Ngọ môn hướng nam, sau hoàng cung có hào, hào ấy hướng bắc gọi là duềnh nhâm.

(2) *Cửu hạn* : Nắng đã lâu. 久旱逢甘雨 Cửu hạn phùng cam vũ. Nắng lâu mà được mưa rào.

(3) *Quần* : Xiêm. *Thoa* : Trâm. Khách quần thoa là đàn bà.

(4) Đoạn này có bản chép là :
Trên chín bệ có hay chăng *nhẽ* ?
Khách quần thoa *mà* để lạnh lùng.
Thù nhau *ru*, hỡi đông phong!
Góc vườn rãi nắng, *cầm* bông hoa đào.

(5) *Kim ốc* : Nhà vàng. Vua Vũ-đế nhà Hán lúc còn làm Thái tử, bà Trưởng công chúa muốn đem con gái gả cho, bèn hỏi rằng : « Thái-tử được A-Kiều có bằng lòng không ? » Thái-tử đáp rằng : « 若得阿嬌當以金屋貯之. Nhược đắc A-Kiều đương dĩ kim ốc chữ chi. Nếu được A-Kiều thì xin làm nhà vàng để cho ở ».

Chống tay ngồi ngẫm sự đời,
Muốn kêu một tiếng cho dài, kẻo căm.
Nơi lạnh lẽo, nơi xem gần gặn,
Hả phai son nhạt phấn ru mà.
Trêu ngươi chi bấy, giăng già!
Sao con chỉ thắm mà ra tơ mành?
Lòng ngán ngẩm buồn tênh mọi nỗi,
Mối sầu tràng (1) bối rối dường tơ.
Ngọn đèn phòng động (2) đêm xưa,
Đài hoa tịnh đế (3) trơ-trơ chưa tàn.
Mà lượng thánh đa đoan kíp bấy!
Bỗng ra lòng rún-rẩy vì đâu?
Bõ già (4) tỏ nỗi trước sau,
Chẳng dem nỗi ấy mà tâu ngự cùng.
Đêm phong vũ lạnh lùng có một.
Giọt ba tiêu (5) thánh thót cầm canh.

---

(1) *Sầu tràng*: Lòng sầu. Câu này có bản chép là: *Khúc* sầu tràng, bối rối nhường tơ.

(2) Ngọn đèn thắp đêm hôm cưới. Chữ nho có câu: 洞房花燭夜. Động phòng hoa chúc gia. Cái đêm đốt đuốc hoa trong động phòng, tức là đêm hôm cưới.

(3) *Tịnh đế*: Đôi bông hoa cùng một đài. Ví vợ chồng xum họp. Câu này có bản chép là:
Bông hoa tịnh đế trơ trơ chưa tàn.

(4) *Bõ già*: Hoạn quan già hầu ở trong cung.

(5) *Giọt ba tiêu*: Giọt mưa rỏ vào lá chuối.

Bên tường thấp thoáng bóng huỳnh,
Vách sương hót gió, (1) đèn xanh lờ-mờ.
Mắt chửa nhắp, đồng-hồ đã cạn, (2)
Cảnh tiêu điều ngao ngán dường bao !
Buồn này mới gọi buồn sao !
Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình !
Bóng câu (3) thoáng bên mành mấy nỗi.
Những hương sầu, phấn tủi cho xong.
Phòng khi động đến cửu trùng,
Giữ sao cho trọn má hồng như xưa ?

CHUNG

---

(1) *Hót gió* : Gió lọt qua những chỗ vách hở kêu vu-vu như hót. Câu này có bản chép là:
Vách sương *nghi ngút*, đèn xanh lờ-mờ.

(2) *Đồng hồ đã cạn* : Xưa dùng cái bình bằng đồng đổ nước vào, bình có lỗ nhỏ, nước ở trong dỉ dần ra. Xem nước đầy vơi thì biết sớm hay khuya.

(3) *Bóng câu* : Bóng ngựa non chạy. Sử ký có câu : 人生一世間如白駒過隙. Nhân sinh nhất thế gian như bạch câu quá khích. Đời người ta nhanh như bóng con ngựa trắng non chạy qua khe cửa. Sau có người cho chữ bạch câu là bóng mặt giời.

LƯỢC TRUYỆN ÔNG ĐẶNG TRẦN-CÔN

Ông Đặng Trần-Côn 鄧陳琨 là người làng Nhân-mục, (tục danh là làng Mọc) huyện Thanh-trì.

Ông sinh vào khoảng đời Vua Lê Dụ-tôn trong khi chúa An-Đô vương (Trịnh Cương 鄭棡) cầm quyền.

Lúc nhỏ ông hiếu học lắm, đêm hay đọc sách khuya. Bấy giờ ở kinh thành Thăng-long hay có hỏa hoạn, nhà nước có lệnh cấm lửa nghiêm lắm, ông không thể đốt đèn học được, đào hầm dưới đất để dấu đèn mà xem sách.

Ông nghe tiếng bà Điểm hay chữ, ông làm một bài thơ lại yết kiến. Bà Điểm cười rằng: « Trẻ con mới học, đã biết gì ». Ông giận lắm, về hết sức ma lệ, thành danh sĩ. Sau bà Điểm xem bài « Chinh phụ ngâm » của ông, phải phục là hay, dem diễn ra nôm.

Ông đỗ hương cống (cũng như cử nhân) được bổ phủ học huấn đạo. Sau ông được thăng đến Ngự-sử-đài chiếu-khám.

Tính ông rất phóng khoáng, không câu chấp lễ nghi, ông thích rượu và hay thơ.

Thơ ông thì thể điệu trang nghiêm lắm. Thi phái đời Hậu-Lê chấn hưng được nhiều là nhờ thơ ông.

Đầu niên hiệu Cảnh-Hưng gặp phen binh cách, lính đi chinh thú các nơi nhiều lắm, ông trông thấy những cảnh biệt ly thê thảm, cảm súc làm ra bài Chinh phụ ngâm, đại lược lấy ở trong Cổ-nhạc-phú và Lý-thi sắp đặt nên một bài ngâm, từ điệu lâm li, phiêu giật. Ông làm xong bài ấy đưa cho ông Ngô Thì-Sĩ 吳時仕 xem. Ông Ngô đọc bài ấy lấy làm kinh phục lắm nói rằng: « Như bài này thì áp đảo được lão Ngô này rồi. »

Bài Chinh phụ ngâm truyền tụng khắp nước, lan sang cả hai tỉnh Quảng-đông, Quảng-tây bên Tàu. Ai đọc cũng phải khen ngợi. Có kẻ thức giả nói rằng: « Tinh thần ông phát tiết cả ra bài này, ông chỉ sống được ba năm nữa là cùng. » Quả vậy, ba năm sau ông mất thật.

Bài Chinh phụ ngâm, ông Phan Huy-Ích 潘輝益, bà Nguyễn Thị-Điểm 阮氏點 và nhiều tay danh sĩ khác dịch ra quốc âm mà bài hay nhất là bài của bà Điểm, tức là bài lục ở sau đây.

Ngoài bài Chinh phụ ngâm, ông còn có nhiều thơ phú khác như tám bài thơ đề tranh Tiêu Tương bát cảnh, bài phú Trương Hàn tư thuần lư, Trương Lương bố y, bài Khấu môn thanh và tiểu thuyết Bích-câu kỳ ngộ.

BÀ THỊ ĐIỂM

Bà Thị Điểm 氏點 hiệu là Hồng-Hà nữ sử 紅霞女史. Bà họ Đoàn, em gái ông giám-sinh Đoàn Luân 段綸, người làng Hiếu-phạm, huyện Văn-giang, xứ Kinh-bắc (Bắc-ninh).

Chồng bà là ông Nguyễn Kiều 阮翹 tên chữ là Hạo Hiên 浩軒, nhân thế bà lấy họ nhà chồng xưng là Nguyễn Thị-Điểm. Bởi lẽ ấy nhiều người nhầm, cho bà là em ông Nguyễn Trác-Luân 阮卓倫.

Bà, lúc nhỏ, đã có tiếng học giỏi. Bà thường cùng với anh ngâm họa, không ai chịu thua ai.

Một hôm ông Luân rửa mặt ở trên bể nước trông thấy bà Điểm đang soi gương trang sức, nghĩ được một câu đọc ngay :

照，鏡 鑑 眉 一 點 翻 成 兩 黜.
Chiếu kính họa mi, nhất *điểm* phiên thành lưỡng [*điểm*. (1)

Bà ứng khẩu đối rằng :

臨 池 玩 月 雙 輪 轉 作 雙 輪.
Lâm trì ngoạn nguyệt, chích *luân* chuyển tác [song *luân* (2)

Bà kén chồng, nhưng số phận long đong không được như ý, sau bà về làm á phu-nhân ông Nguyễn Kiều. Ở chỗ khuê khổn, vợ chồng kính nhau như khách.

Ông Kiều mất, học trò đều theo học bà. Lúc bà bảy mươi tuổi còn qua nơi Kinh-đô mở trường dạy học.

Bà có làm bộ sách Tục truyền kỳ 續傳奇 và diễn nôm bài Chinh phụ ngâm.

---

(1) Soi gương vẽ mày, một nét thành hai nét. (Nói soi gương một bà Điểm thành hai bà Điểm).

(2) Tới ao xem giăng, một vừng hóa ra hai vừng. (Nói ông Luân ra xem giăng thì ra có hai vừng giăng).

征婦吟

天地風塵
紅顏多屯
悠悠彼蒼兮誰造因
鼓聲聲動長城月
烽火影照甘泉雲
九重按劍起當席
半夜飛檄傳將軍
清平三百年天下

Chinh phụ ngâm.

Thiên địa phong trần,
Hồng nhan đa truân.
Du du bỉ xương hề, thùy tạo nhân,
Cồ bề thanh động Tràng-thành nguyệt,
Phong hỏa ảnh chiếu Cam-tuyền vân.
Cửu trùng án kiếm khỉ đang tịch,
Bán dạ phi hịch truyền tướng-quân.
Thanh bình tam bách niên thiên hạ,

從此戎衣屬武臣
使星天門催曉發
行人重法輕離別
弓箭兮在腰
妻孥兮別袂
獵獵旌旗出塞愁
喧喧簫鼓辭家怨
有怨兮分攜
有愁兮契濶
良人二十吳門豪

Tòng thử nhung y chúc vũ thần.
Sứ tinh thiên-môn thôi hiểu phát,
Hành nhân trọng pháp khinh li biệt.
Cung tiễn hề tại yêu,
Thê noa hề biệt khuyết.
Lạp-lạp tinh kì xuất tái sầu,
Huyên-huyên tiêu cổ từ gia oán.
Hữu oán hề phàn huề,
Hữu sầu hề khế khoát.
Lương nhân nhị thập Ngô môn hào,

投筆硯兮事弓刀
直把連城獻明聖
願將尺劍斬天驕
丈夫千里志馬革
泰山一擲輕鴻毛
便辭閨闥從征戰
西風鳴鞭出渭橋
渭橋頭清水溝
清水邊清草途
送君處兮心悠悠

Đầu bút nghiễn hề sự cung đạo.
Trực bả liên-thành hiến minh-thánh,
Nguyện tương xích kiếm trảm thiên-kiêu.
Trượng phu thiên lý chí mã cách,
Thái-sơn nhất trịch khinh hồng mao.
Tiện từ khuê khổn tòng chinh chiến,
Tây phong minh tiên xuất Vị kiều.
Vị kiều đầu, thanh thủy câu,
Thanh thủy biên, thanh thảo dờ.
Tống quân xứ hề, tâm du du.

君登途兮妾恨不如駒
君臨流兮妾恨不如舟
清清流水不洗妾心愁
青青芳草不忘妾心憂
語復語兮執君手
步一步兮攀君襦
妾心隨君似明月
君心萬里千山箭
擲離盃兮舞龍泉
橫征槊兮指虎穴

Quân đăng đồ hề, thiếp hận bất như câu,
Quân lâm lưu hề, thiếp hận bất như châu.
Thanh-thanh lưu thủy, bất tẩy thiếp tâm sầu,
Thanh-thanh phương thảo, bất vương thiếp tâm ưu.
Ngữ phục ngữ hề, chấp quân thủ,
Bộ nhất bộ hề, phan quân nhu.
Thiếp tâm tùy quân tự minh nguyệt,
Quân tâm vạn lý Thiên-sơn tiễn.
Trịch li bôi hề, vũ long-tuyền,
Hoành chinh sóc hề, chỉ hồ huyệt.

云從介子獵樓蘭
笑向蠻溪談馬援
君披裝服紅如霞
君騎驍馬白如雪
驍馬兮鑾鈴
鉦鼓兮人行
須臾中兮對面
頃刻裡兮分程
分程兮河梁
徘徊兮路旁

Vân tòng Giới-tử lạp Lâu-Lan,
Tiếu hướng Man-khê đàm Mã Viện.
Quân phi trang phục hồng như hà,
Quân kỳ kiêu mã bạch như tuyết.
Kiêu mã hề loan linh,
Chinh cổ hề nhân hành.
Tu du trung hề đối diện,
Khoảnh khắc lý hề phân trình.
Phân trình hề hà lương,
Bồi hồi hề lộ bàng.

路旁一望旆央央
前軍北細柳
後軍西長楊
騎軍相擁君臨塞
楊柳那知妾斷腸
去去落梅聲漸遠
行行征旆色何忙
望雲去兮郎別妾
望山歸兮妾思郎
郎去程兮濛雨外

Lộ bàng nhất vọng bái ương ương.
Tiền quân bắc Tế-liễu,
Hậu quân tây Trường-dương.
Ky quân tương ủng quân lâm tái,
Dương liễu na tri thiếp đoạn trường.
Khứ-khứ lạc mai thanh tiệm viễn,
Hành-hành chinh bái sắc hà mang.
Vọng vân khứ hề, lang biệt thiếp,
Vọng sơn qui hề, thiếp tư lang.
Lang khứ trình hề, mông vũ ngoại,

妾歸處兮昨夜房
歸去兩回顧
雲青與山蒼
郎顧妾兮咸陽
妾顧郎兮瀟湘
瀟湘煙阻咸陽樹
咸陽樹隔瀟湘江
相顧不相見
青青陌上桑
陌上桑陌上桑

Thiếp qui xứ hề, tạc dạ phòng.
Qui khứ lưỡng hồi cố.
Vân thanh dữ sơn thương.
Lang cố thiếp hề: Hàm-dương,
Thiếp cố lang hề: Tiêu-tương.
Tiêu-tương yên trở Hàm-dương thụ,
Hàm-dương thụ cách Tiêu-tương giang.
Tương cố bất tương kiến,
Thanh-thanh mạch thượng tang.
Mạch thượng tang, mạch thượng tang!

妾意君心誰短長
自從別後風沙隴
明月知君何處宿
古來征戰場
萬里無人屋
風緊緊打得人顏燋
水深深怯得馬蹄縮
戍夫桄鼓臥龍沙
戰士抱鞍眠虎陸
今朝漢下白登城

Thiếp ý, quân tâm thùy đoản, tràng !
Tự tòng biệt hậu phong sa lũng,
Minh nguyệt tri quân hà xứ túc ?
Cổ lai chinh chiến trường,
Vạn lý vô nhân ốc.
Phong khẩn-khẩn, đả đắc nhân nhan tiều,
Thủy thâm-thâm, khiếp đắc mã đề súc.
Thú phu chẩm cổ ngọa long sa,
Chiến sĩ bão an miên hổ lục.
Kim triêu Hán hạ Bạch-đăng thành,

明日胡窺青海曲
青海曲青山高復低
青山前青溪斷復續
青山上雪濛頭
青溪下水沒腹
可憐多少鐵衣人
思歸當此愁顏蹙
錦帳君王知也無
艱難誰爲畵征夫
料想良人經歷處

Minh nhật Hồ khuy Thanh-hải khúc.
Thanh-hải khúc ! thanh sơn cao phục đê,
Thanh-sơn tiền ! thanh khê đoạn phục tục.
Thanh-sơn thượng, tuyết mông đầu,
Thanh khê hạ, thủy một phúc.
Khả liên đa thiểu thiết y nhân,
Tư qui đương thử sầu nhan xúc.
Cầm trướng quân vương tri dã vô ?
Gian nan thùy vị họa chinh phu ?
Liệu tưởng lương nhân kinh lịch xứ :

蕭關角瀚海隅
霜村雨店虎落蛇區
風餐露宿雪脛氷鬚
登高望雲色
安得不生愁
自從別後東南徼
東南知君戰何道
古來征戰人
性命輕如草
鋒刃下溫溫挾纊主恩深

Tiêu-quan dốc, Hãn-hải ngung.
Sương thôn, vũ điếm, hổ lạc, xà khu,
Phong xan, lộ túc, tuyết hĩnh, băng tu.
Đăng cao vọng vân sắc,
An đắc bất sinh sầu ?
Tự tòng biệt hậu đông nam khiếu.
Đông nam tri quân chiến hà đạo ?
Cổ lai chinh chiến nhân,
Tính mệnh khinh như thảo.
Phong nhận hạ, ôn-ôn hiệp khoáng chủ ân thâm.

時刻中歷歷橫戈壯士天
祈山舊塚月茫茫
淝水新墳風裊裊
風裊裊空吹死士魂
月茫茫曾照征夫貌
征夫貌誰丹青
死士魂誰哀吊
可憐爭鬪舊山川
行人過此情多少
古來征戰幾人還

Thời khắc trung, lịch-lịch hoành qua tráng sĩ yểu.
Kỳ-sơn cựu trủng nguyệt mang-mang,
Phì-thủy tân phần phong niểu-niểu.
Phong niểu-niểu, không xuy tử sĩ hồn,
Nguyệt mang-mang, tẳng chiếu chinh phu mạo.
Chinh phu mạo, thùy đan thanh?
Tử sĩ hồn, thùy ai điếu?
Khả liên tranh đấu cựu sơn xuyên,
Hành nhân quá thử tình đa thiểu.
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn?

班超歸時鬢已班
料想良人馳騁外
三尺劍一戎鞍
秋風沙草
明月關山
馬頭鳴鏑
城上緣竿
功名百忙裏
勞苦未應閒
勞與閒誰與言

Ban Siêu qui thời mấn dĩ ban.
Liệu tưởng lương nhân trì sính ngoại,
Tam xích kiếm, nhất nhung an.
Thu phong sa thảo,
Minh nguyệt quan sơn.
Mã đầu minh chích,
Thành thượng duyên can.
Công danh bách mang lý,
Lao khổ vị ưng nhàn.
Lao dữ nhàn, thùy dữ ngôn?

君在天涯妾倚門
倚門固妾今生分
天涯豈君平生魄
平生魄自信相隨魚水伴
今生分那堪相隔水雲村
妾身不想爲征婦
君身豈學爲王孫
何事江南與江北
令人愁曉又愁昏
一箇是風流少年客

Quân tại thiên nhai thiếp ỷ môn.
Ỷ môn cố thiếp kim sinh phận,
Thiên nhai khởi quân bình sinh hồn?
Bình sinh hồn, tự tín tương tùy ngư thủy bạn.
Kim sinh phận, na kham tương cách thủy vân thôn.
Thiếp thân bất tưởng vi chinh phụ,
Quân thân khởi học vi Vương-tôn?
Hà sự Giang-nam dữ Giang-bắc,
Linh nhân sầu hiểu hựu sầu hôn.
Nhất cá thị phong lưu thiếu niên khách.

一箇是風流少年婚
可憐兩年少
千里各寒暄
憶昔與君相別時
柳條猶未轉黃鸝
問君何日歸
君約杜鵑啼
杜鵑已逐黃鸝老
青柳樓前語鷁鴂
憶昔與君相別中

Nhất cá thị phong lưu thiếu niên hôn.
Khả liên lưỡng niên-thiếu,
Thiên lý các hàn huyên.
Ức tích dữ quân tương biệt thì,
Liễu điều do vị chuyển hoàng-ly.
Vấn quân hà nhật qui.
Quân ước đỗ-quyên đề.
Đỗ-quyên dĩ trục hoàng-ly lão,
Thanh liễu lâu tiền ngữ ý-nhi.
Ức tích dữ quân tương biệt trung,

雪梅猶未識東風
問君何日歸
君指桃花紅
桃花已逐東風去
雪梅江上又芙蓉
與我約何所
乃約隴西岑
日中兮不來
墜葉兮我簪
佇立空涕泣

Tuyết mai do vị thức đông phong.
Vấn quân hà nhật qui.
Quân chỉ đào hoa hồng.
Đào hoa dĩ trục đông phong khứ,
Tuyết mai giang thượng hựu phù dung.
Dữ ngã ước hà sở ?
Nãi ước Lũng-tây sầm.
Nhật trung hề, bất lai.
Trụy diệp đâu ngã trâm.
Trữ lập không thế khấp,

荒村喧午禽
與我約何所
乃約漢陽橋
日晚兮不來
谷風吹我袍
佇立空涕泣
寒江起暮潮
昔年寄信勸君回
今年寄信勸君來
信來人未來

Hoang thôn huyên ngọ cầm.
Dữ ngã ước hà sở ?
Nãi ước Hán-dương kiều.
Nhật vãn hề, bất lai,
Cốc phong xuy ngã bào.
Trữ lập không thế khấp,
Hàn giang khởi mộ chào.
Tích niên ký tín khuyến quân hồi.
Kim niên ký tín khuyến quân lai.
Tín lai nhân vị lai,

楊蒼一昔今書紗斜十將
花苔步年年歸窗暉約料
零蒼閒回回人寂斜佳去
落苔庭書書未窶暉期日
委又百訂訂歸轉斜九從
蒼蒼感妾妾　斜斜度頭
苔苔催期歸　暉暉違數

Dương hoa linh lạc ủy thương đài.

Thương đài! thương đài! hựu thương đài!

Nhất bộ nhàn đình bách cảm thôi.

Tích niên hồi thư đính thiếp kỳ.

Kim niên hồi thư đính thiếp qui.

Thư qui nhân vị qui.

Sa song tịch mịch chuyển tà huy.

Tà huy! tà huy! hựu tà huy!

Thập ước giai kỳ cửu độ vi.

Tương liệu khứ nhật tòng dầu sổ,

不覺荷錢已三鑄
最苦是連年紫塞人
最苦是千里黃花戍
紫塞人誰無堂上親
黃花戍誰無閨中婦
有親安可暫相離
有婦安能久相負
君有老親鬢如霜
君有嬰兒年且孺
老親兮倚門

Bất giác hà tiền dĩ tam chú.
Tối khổ thị liên niên tử tái nhân!
Tối khổ thị thiên lý hoàng hoa thú!
Tử tái nhân! thùy vô đường thượng thân?
Hoàng hoa thú! thùy vô khuê trung phụ?
Hữu thân an khả tạm tương li?
Hữu phụ an năng cửu tương phụ?
Quân hữu lão thân mấn như sương.
Quân hữu anh nhi niên thả nhụ.
Lão thân hề, ỷ môn,

嬰兒兮待哺
供親食兮妾爲男
課兒書兮妾爲父
供親課子此一身
傷妾思君今幾度
思君昔年兮已過
思君今年兮又暮
君淹留二年三年更四年
妾情懷百縷千縷還萬縷
安得在君邊

Anh nhi hề, đãi bộ.
Cung thân thực hề, thiếp vi nam.
Khóa nhi thư hề, thiếp vi phụ.
Cung thân, khóa tử, thử nhất thân,
Thương thiếp tư quân kim kỷ độ.
Tư quân tích niên hề, dĩ quá,
Tư quân kim niên hề, hựu mộ.
Quân yêm lưu nhị niên, tam niên, cánh tứ niên.
Thiếp tình hoài bách lũ, thiên lũ, hoàn vạn lũ.
An đắc tại quân biên?

訴妾衷腸苦
妾有漢宮釵
曾是嫁時將送來
憑誰寄君子
表妾相思懷
妾有秦樓鏡
曾與郎初相對影
憑誰寄君子
照妾今孤另
妾有約指銀

Tố thiếp trung trường khổ.
Thiếp hữu Hán cung thoa,
Tằng thị giá thời tương tống lai.
Bằng thùy ký quân tử,
Biểu thiếp tương tư hoài.
Thiếp hữu Tần lâu kính,
Tằng dữ lang sơ tương đối ảnh.
Bằng thùy ký quân tử,
Chiếu thiếp kim cô lánh.
Thiếp hữu ước chỉ ngân,

手中曾相親
憑誰寄君子
微物寓愁勲
妾有掻頭玉
嬰兒年所弄
憑誰寄君子
他鄉幸珍重
昔年音信有來時
今年音稀亦稀
見雁枉然思塞帛

Thủ trung tằng tương thân.
Bằng thùy ký quân tử,
Vi vật ngụ ân cần.
Thiếp hữu tao đầu ngọc,
Anh nhi niên sở lộng.
Bằng thùy kỷ quân tử,
Tha hương hạnh trân trọng.
Tích niên âm tín hữu lai thì,
Kim niên âm hi, tín diệc hi,
Kiến nhạn uổng nhiên tư tái bạch.

聞霜慢自製綿衣
西風欲寄無鴻便
天外憐伊雪雨垂
雪寒伊兮虎帳
雨冷伊兮狼幃
寒冷般般苦
天外可憐伊
錦字題詩封更展
金錢問卜信還疑
幾度黃昏時

Văn sương mạn tự chế miên y.
Tây phong dục ký vô hồng tiện,
Thiên ngoại liên y tuyết vũ thùy.
Tuyết hàn y hề hổ trướng ;
Vũ lãnh y hề lang vi.
Hàn lãnh ban ban khổ,
Thiên ngoại khả liên y.
Cẩm tự đề thi phong cánh triển,
Kim tiền vấn bốc tín hoàn nghi.
Kỷ độ hoàng hôn thì,

重軒人獨立
幾回明月夜
單枕髮斜欹
不關沉與醒
惛惛人似醉
不關愚與惰
撥撥意如癡
簪斜委鬢蓬無柰
裙腿襦腰瘦不支
晝沉沉午院行如墜

Trùng hiên nhân độc lập.
Kỷ hồi minh nguyệt giạ,
Đan chẩm mấn tà khi.
Bất quan trầm dữ tỉnh,
Hôn hôn nhân tự túy.
Bất quan ngu dữ nọa,
Mông mông ý như si.
Trâm tà ủy khảo bồng vô nại,
Quần thoái nhu yêu sấu bất chi.
Trú trầm trầm, ngọ viện hành như trụy.

夕涓涓廂簾捲又垂
簾外窺日出枝頭無鵲報
簾中坐夜永心事只燈知
燈知若無知
妾悲只自悲
悲又悲兮更無言
燈花人影總堪憐
咿喔鷄聲通五夜
拂披槐陰渡八磚
愁似海

Tịch quyên quyên, tương liêm quyển hựu thùy.
Liêm ngoại khuy, nhật xuất chi đầu vô thước báo.
Liêm trung tọa, dạ lai tâm sự chỉ đăng tri.
Đăng tri nhược vô tri,
Thiếp bi chỉ tự bi.
Bi hựu bi hề cánh vô ngôn,
Đăng hoa nhân ảnh tổng kham liên.
Y ốc kê thanh thông ngũ dạ.
Phất phi hòe âm độ bát chuyên.
Sầu tự hải,

刻如年
彊燃香花塊消檀柱下
彊臨鏡玉筋墜菱花前
彊援琴指下驚停鸞鳳柱
彊援瑟曲中愁歇鴛鴦絃
此意春風若肯傳
千金借力寄燕然
燕然未肯傳
憶君迢迢兮路如天
天遠未易通

Khắc như niên.
Cưỡng nhiên hương, hoa hồn tiêu đản trụ hạ,
Cưỡng lâm kính, ngọc chỉ trụy lăng hoa tiền.
Cưỡng viện cầm, chỉ hạ kinh đình loan phụng trụ,
Cưỡng viện sắt, khúc trung sầu yết uyên ương huyền.
Thử ý xuân phong nhược khẳng truyền,
Thiên kim tá lực ký Yên-nhiên,
Yên-nhiên vị khẳng truyền;
Ức quân thiều-thiều hề, lộ như thiên.
Thiên viễn vị dị thông,

憶君悠悠思何窮
愁人處傷心胸
樹葉青霜裡
螢聲細雨中
霜爺殘兮楊柳
雨鋸損兮梧桐
鳥返高春
露下低叢
寒垣候虫
遠寺時鍾

Ức quân du du tư hà cùng.
Sầu nhân xứ, thương tâm hung.
Thụ diệp thanh sương lý,
Cùng thanh tế vũ trung.
Sương phủ tàn hề dương liễu,
Vũ cứ tồn hề ngô đồng.
Điểu phản cao thung,
Lộ hạ đê tùng,
Hàn viên hậu trùng,
Viễn tự thời chung.

蟋蟀數聲月　芭蕉一院風　風裂紗窗穿帳隙　月移花影上簾籠　花前月下月自白　月下花前花自紅　月花月影重重　花前月下兮心忡忡　千般懶萬般慵

Tất suất sổ thanh nguyệt,
Ba tiêu nhất viện phong.
Phong liệt sa song xuyên trướng khích,
Nguyệt di hoa ảnh thướng liêm lung.
Hoa tiền nguyệt hạ nguyệt tự bạch,
Nguyệt hạ hoa tiền hoa tự hồng.
Nguyệt hoa hoa nguyệt hề, ảnh trùng-trùng,
Hoa tiền nguyệt hạ hề, tâm xung-xung.
Thiên ban lãn,
Vạn ban dung.

慵女工錦軸恥拋鶩對偶
慵婦巧金針羞刺蝶雌雄
慵粧愁臉空施粉
慵語終朝悶倚窻
倚窻倚窻復倚窻
郎君去兮誰爲容
誰爲容兮心盤桓
郎君去兮隔重關
何啻天帝孫
泠落立銀渚

Dung nữ công, cầm trục sỉ phao oanh đối ngẫu,
Dung phụ xảo, kim chiâm tu thích diệp thư hùng.
Dung trang sầu kiểm không thi phấn,
Dung ngữ chung triêu muộn ỷ song.
Ỷ song, ỷ song phục ỷ song!
Lang quân khứ hề, thùy vi dong.
Thùy vi dong hề, tâm bàn hoàn,
Lang quân khứ hề, cách trùng quan.
Hà thì thiên đế tôn,
Linh lạc lập Ngân-chử.

悶愁悶欲愁欲煮藉淒何
愁悶壓將重將悶愁涼啻
化總花花酒酒兮兮坐姮
作爲無觧無制爲爲廣娥
九愁顏悶力愁餐枕寒婦
泉悶
灘悟

Hà thí Hằng-nga phụ,
Thê lương tọa Quảng-hàn.
Tạ sầu hề vi chẩm,
Chử muộn hề vi xan.
Dục tương tửu chế sầu,
Sầu trọng tửu vô lực.
Dục tương hoa giải muộn,
Muộn áp hoa vô nhan
Sầu muộn tổng vi sầu muộn ngộ,
Muộn sầu hóa tác cửu tuyền than.

辛滋始不樵鵑念思抱試
酸味覺勝鼓聲征遠鋃瓊
端酸噎燋敲啼夫塞箏笙
的兮離悴柔落兮兮兮兮
爲酸滋形帶關襄行不不
良又味骸悶情橐路忍成
人辛酸軟肝淚單難彈響

Thí quỳnh sinh hề, bất thành ưởng,
Bão ngân tranh hề, bất nhẫn đàn.
Tư viễn tái hề, hành lộ nan,
Niệm chinh phu hề, nang thác đan.
Quyên thanh đề lạc quan tình lệ,
Tiều cổ xao nhu đới muộn can.
Bất thăng tiều tụy bình hài nhuyễn,
Thủy giác khuê li tư vị toan.
Tư vị toan hề, toan hựu tân!
Tân toan đoan đích vị lương nhân.

爲良人兮雙妾淚
爲良人兮隻妾身
妾身不到君征帳
妾淚不到君征巾
惟有夢魂無不到
尋君夜夜到江津
尋君兮陽臺路
會君兮湘江津
記得幾番歡會處
無非一枕夢中春

Vị lương nhân hề, song thiếp lệ,
Vị lương nhân hề, chích thiếp thân.
Thiếp thân bất đáo quân chinh trướng.
Thiếp lệ bất đáo quân chinh cân.
Duy hữu mộng hồn vô bất đáo,
Tầm quân dạ dạ đáo giang tân.
Tầm quân hề, Dương-đài lộ,
Hội quân hề, Tương-giang tân,
Ký đắc kỷ phiên hoan hội xứ,
Vô phi nhất chẩm mộng trung xuân.

此身反恨不如夢
隴水函關與子親
夢去每曾驚更斷
夢回還惡幻非真
惟有寸心真不斷
未常頃刻少離君
心不離君君不見
凭高幾度望君來
望君何所見
征輪
江邊滿白蘋

Thử thân phản hận bất như mộng,
Lũng-thủy Hàm-quan dữ tử thân.
Mộng khứ mỗi tăng kinh cánh đoạn,
Mộng hồi hoàn ố ảo phi chân.
Duy hữu thốn tâm chân bất đoạn,
Vị thường khoảnh khắc thiểu li quân.
Tâm bất li quân vị kiến quân,
Bằng cao kỷ độ vọng chinh luân,
Vọng quân hà sở kiến,
Giang biên mãn bạch tần.

燕草披青水
秦桑染綠雲
南來井邑半風塵
落日平沙驚一群
望君何所見
官路短長亭
雲間吳樹碧
天際蜀山青
北來禾黍半荒城
微雨江樓笛一聲

Yến thảo phi thanh thủy,
Tần tang nhiễm lục vân.
Nam lai tỉnh ấp bán phong trần,
Lạc nhật bình sa lộ nhất quần.
Vọng quân hà sở kiến,
Quan lộ đoản trường đình.
Vân gian Ngô thụ bích,
Thiên tế Thục sơn thanh.
Bắc lai hòa thử bán hoang thành,
Vi vũ giang lâu địch nhất thanh.

望君何所見
空山葉做堆
自飛雙雉野
自舞滿江梅
東去烽烟慘不開
西風飄落鳥聲哀
望君何所見
河水曲如鉤
長空數點雁
這浦一歸舟

Vọng quân hà sở kiến,
Không sơn diệp tố đôi.
Tự phi song dã trĩ,
Tự vũ mãn giang mai.
Đông khứ phong yên thảm bất khai,
Tây phong phiêu lạc điểu thanh ai.
Vọng quân hà sở kiến,
Hà thủy khúc như câu.
Trường không sổ điểm nhạn,
Viễn phố nhất qui châu.

西去松楸接斷蕪
行人微沒隔蒼州
望盡天頭又地頭
幾日登樓又下樓
凍雲阻盡相思眼
何處玉關征戰陬
恨無長房縮地術
恨無仙子擲巾符
有心將化石
無淚可登樓

Tây khứ tùng thu tiếp đoạn vu,
Hành nhân vi một cách xương châu.
Vọng tận thiên đầu dữ địa đầu,
Kỷ nhật đăng lâu hựu há lậu.
Đống vân trở tận tương tư nhãn,
Hà xứ Ngọc-quan chinh chiến xu.
Hận vô Trường-phòng súc địa thuật,
Hận vô Tiên-tử trịch cân phù.
Hữu tâm tương hóa thạch,
Vô lệ khả đăng lâu.

花流只妾妾君君不悔回
爲光怕心亦心心識教首
流一君如於倘有離夫長
光去心花君與似家婿堤
黃不如常何妾妾千覓楊
又復流向怨心心里封柳
黃照光陽尤似否外侯色

Hồi thủ trường đê dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu.
Bất thức li gia thiên lý ngoại,
Quân tâm hữu tự thiếp tâm phầu.
Quân tâm thảng dữ thiếp tâm tự,
Thiếp diệc ư quân hà oán vưu.
Thiếp tâm như hoa thường hướng dương,
Chỉ phạ quân tâm như lưu quang.
Lưu quang nhất khứ bất phục chiếu,
Hoa vị lưu quang hoàng hựu hoàng.

黃花更向誰邊笑
流光不肯一回照
黃花却爲流光老
黃花老兮落滿墻
花落如今更幾霜
庭蘭兮已摘
紅絲兮又芳
攝衣步前堂
仰目觀天章
河水翻明滅

Hoàng hoa cánh hướng thùy biên tiếu,
Lưu quang bất khẳng nhất hồi chiếu.
Hoàng hoa khước vị lưu quang lão,
Hoàng hoa lão hề, lạc mãn tường,
Hoa lạc như kim canh kỷ sương.
Đình lan hề, dĩ trích,
Hồng ti hề, hựu phương.
Nhiếp y bộ tiền đường,
Ngưỡng mục quan thiên chương.
Hà thủy phiên minh diệt.

奎壓乍現纖雲時彷彿北斗忽低昂月照兮我床風吹兮我牆玉顏隨身削丈夫猶他方昔爲形與影今爲參與商君邊雲擁青驃騎

Khuê triền sạ hiện tàng.

Chức vân thời phảng phất,

Bắc đẩu hốt đê ngang.

Nguyệt chiếu hề, ngã sàng.

Phong suy hề, ngã tường.

Ngọc nhan tùy thân tước,

Trượng phu do tha phương.

Tích vi hình dữ ảnh,

Kim vi Sâm dữ Thương.

Quân biên vân ủng thanh phiêu kỵ,

妾廊可良姚良織可年良
處內憐時黃時女憐年時
苔春誤節魏節牛誤誤節
生風盡良紫良郎盡盡急
響日良時嫁時會良一如
櫺將時節東明時空梭
廊歇節風月節房

Thiếp xứ đài sinh hưởng điệp lang.
Lang nội xuân phong nhật tương yết,
Khả liên ngộ tận lương thời tiết.
Lương thời tiết! lương thời tiết!
Diêu hoàng, Ngụy tử giả đông phong.
Lương thời tiết! lương thời tiết!
Chức-nữ, Ngưu-lang hội minh nguyệt.
Khả liên uổng thủ nhất không phòng,
Niên niên ngộ tận lương thời tiết.
Lương thời tiết, cấp như thoa,

人世青春容易過
況復是春閨未消秋恨續
況復是合歡却少別愁多
別愁秋恨兩相磨
蒲柳青青能幾何
空嘆惜浪咨嗟
浪咨嗟只恐白到文君頭
空嘆惜只恐花到潘郎鬢
嘆惜何以爲
顏色猶紅如嫩花

Nhân thế thanh xuân dung dị qua.
Huống phục thị xuân muộn vị tiêu thu hận tục.
Huống phục thị hợp hoan khước thiểu biệt sầu đa.
Biệt sầu thu hận lưỡng tương ma,
Bồ liễu thanh thanh năng kỷ hà.
Không thán tích ! lãng tư ta !
Lãng tư ta ! chỉ khủng bạch đáo Văn-quân đầu.
Không thán tích ! chỉ khủng hoa đáo Phan-lang mấn.
Thán tích hà dĩ vi !
Nhan sắc do hồng như nộn hoa.

咨嗟何以爲
光陰一擲無回過
嗟命薄惜年花
絲絲少婦幾成婆
香閣重懷陪笑臉
花樓尙記解香羅
恨天不與人方便
底事到今成坎坷
坎坷坎坷柰若何
爲妾嗟兮爲君嗟

Tư ta hà dĩ vi!
Quang âm nhất trịch vô hồi qua.
Ta mạnh bạc! tích niên hoa!
Ti ti thiếu phụ cơ thành bà.
Hương các trùng hoài bồi tiếu kiểm,
Hoa lâu thượng ký giải hương la.
Hận thiên bất dữ nhân phương tiện,
Để sự đáo kim thành khảm kha.
Khảm kha, khảm kha, nại nhược hà!
Vị thiếp ta hề, vị quân ta!

君不見野外雙鴛鴦
甘心不忍兩分張
又不見梁頭雙燕燕
白頭何曾忘繾綣
鷓也無情比翼相隨過一生
螢也無知竝驅到老不相離
路柳曾傳連理處
池蓮亦有竝頭時
何人生之相遠
嗟物類之如斯

Quân bất kiến dã ngoại song uyên ương,
Cam tâm bất nhẫn lưỡng phân trương.
Hựu bất kiến lương đầu song yến yến,
Bạch đầu hà tằng vong khiển quyến.
Kiêm dã vô tình, tỉ dực tương tùy quá nhất sinh,
Cùng dã vô tri, tịnh khu đáo lão bất tương li.
Lộ liễu tằng truyền liên lý xứ,
Trì liên diệc hữu tịnh đầu thì.
Hà nhân sinh chi tương viễn,
Ta vật loại chi như ti.

安得在天爲比翼鳥
在地爲連理枝
寧甘死相見
不忍生相離
雖然死相見
曷若生相隨
安得君無到老日
妾常少年時
願爲影兮隨君邊
君有行兮影不遠

An đắc, tại thiên vi tị dực điểu,
Tại địa vi liên lý chi ?
Ninh cam tử tương kiến,
Bất nhẫn sinh tương li.
Tuy nhiên tử tương kiến,
Hạt nhược sinh tương tùy ?
An đắc, quân vô đáo lão nhật,
Thiếp thường thiếu niên thì ?
Nguyện vi ảnh hề, tùy quân biên,
Quân hữu hành hề, ảnh bất viễn.

君願願饑渴何老護長關
依君君來來幸天英驅東
光許庶吞飲期著雄馳關
兮國民下下門意百馬北
妾心力月鋒護戰靜休
所如如氏刃于英功關傳
願丹鐵頭中血雄東箭

Quân y quang hề, thiếp sở nguyện,
Nguyện quân hứa quốc, tâm như đan,
Nguyện quân tí dân, lực như thiết.
Cơ lai thôn hạ Nhục-chi đầu,
Khát lai ẩm hạ Thuyền-vu huyết.
Hà hạnh kỳ-môn phong nhận trung,
Lão thiên trước ý hộ anh hùng.
Hộ anh hùng! bách chiến công!
Trường khu tứ mã tĩnh Quan-đông.
Quan-đông, Quan-bắc hưu truyền tiễn,

山尾山頭早掛弓
捷色旌旗辭塞月
旗歌將士背邊風
勒功兮燕然石
獻馘兮未央宮
未央宮兮向天朝
挽銀河洗弓淮頌刀
詞人刊下平入漢謠
樂府聲傳兮秦叔寶
凌烟閣兮

Sơn vĩ, sơn đầu tảo quải cung.
Tiệp sắc tinh kỳ từ tái nguyệt.
Khải ca tướng sĩ bối biên phong.
Lặc công hề, Yên-nhiên thạch,
Hiến quắc hề, Vị-ương cung.
Vị-ương cung hề, hướng thiên triều,
Vãn Ngân-hà hề, tẩy cung đao.
Từ-nhân san hạ bình Hoài tụng,
Nhạc-phủ thanh truyền nhập Hán giao.
Lăng-yên các hề, Tần Thúc-Bảo,

麒天子有得妾君歸肯願
麟長蔭愁意非亦來學爲
臺地妻兮兮蘇洛倘當君
兮久封此日家陽佩年令
霍茅福時來癡好黃不解
嫖苴祿心男金下征
姚券標婦兒印機衣

Kỳ-lân đài hề, Hoắc Phiêu-Diêu.
Thiên trường, địa cửu mao thư khoán,
Tử ấm, thê phong phúc lộc tiêu.
Hữu sầu hề thử nhật,
Đắc ý hề lai thì.
Thiếp phi Tô gia si tâm phụ,
Quân diệc Lạc-dương hảo nam nhi.
Qui lai thảng bội hoàng kim ấn,
Khẳng học đương niên bất hạ ki.
Nguyện vị quân hề, giải chinh y,

願爲君兮捧霞冠
爲君梳櫛雲鬟髻
爲君粧點玉膚脂
收君看兮舊淚帛
訴君聽兮舊情詞
舊情詞兮換新聯
講新話兮酒盃前
淺酌兮漫漫
低唱兮隨隨
酌不酌兮渭城釀

Nguyện vị quân hề, phủng hà chi.
Vị quân sơ chất vân hoàn kết,
Vị quân trang điểm ngọc phu chi.
Thu quân khan hề, cựu lệ bạch,
Tố quân thính hề, cựu tình từ,
Cựu tình từ hề, hoán tân liên,
Giảng tân hoại hề, tửu bôi tiền.
Thiển chước hề, mạn mạn,
Đê xướng hề, liên liên.
Chước bất chước hề, Vị-thành nhưỡng,

唱不唱兮紫騮篇
酌九醞唱雙雕
與君整頓蓋姻緣
交頸成雙到老天
償了功名離別日
相連相守太平年
太平年願歲置
若然此後妾何淚
相會相期相寄言
嗟乎丈夫當如是

畢

Xướng bất xướng hề, Tử-lưu thiên.
Chước cửu uẩn, xướng song liên,
Dữ quân chỉnh đốn cựu nhân duyên,
Giao cảnh thành song đáo lão thiên.
Thường liễu công danh li biệt nhật,
Tương liên tương thủ thái bình niên.
Thái bình niên ! nguyện tuế trí !
Nhược nhiên thử hậu thiếp hà lệ.
Tương hội tương kỳ tương ký ngôn,
Ta hồ ! trượng-phu đương như thị !

HẾT

CHINH PHỤ NGÂM

ĐOÀN THỊ-ĐIỂM
diễn ra quốc âm

Thủa giời đất nổi cơn gió bụi,
Khách má-hồng nhiều nỗi truân chiên. (1)
Xanh kia thăm thẳm từng trên,
Vì ai gây dựng cho nên nỗi này!
Trống Trường-thành (2) lung lay bóng nguyệt,
Khói Cam-toàn (3) mờ mịt thức mây.
Chín lần gươm báu trao tay,
Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh. (4)

---

(1) *Truân chiên* : Nghĩa đen là khó đi. Đây nghĩa là đau đớn, khổ sở.

(2) *Trường-thành* : Nước Yên, nước Triệu, nước Tần đời Chiến-quốc vì phía Bắc nhiều núi non hiểm trở, đắp Trường thành để ngăn giữ rợ Hồ. Sau Tần Thủy-hoàng gồm thâu sáu nước nối những trường thành ấy với nhau gọi là Vạn-lý trường thành.

(3) *Cam-toàn* : Cung nhà Tần dựng ở trên núi Cam-toàn cách Trường-an hai trăm dặm. Đứng ở Cam-toàn trông thấy Trường-an. Khi có giặc, đêm thì đốt lửa, ngày thì đốt khói để báo tin cho Trường-an biết.

(4) *Xuất chinh* : Đem quân đi đánh giặc.

Nước thanh bình (1) ba trăm năm cũ,
Áo nhung (2) trao quan vũ từ đây.
Sứ giời (3) sớm giục đường mây,
Phép công là trọng, niềm tây sá nào.
Đường giong ruổi lưng đeo cung tiễn,
Buổi tiễn đưa lòng vướng thê-noa. (4)
Bóng cờ, tiếng trống xa xa,
Sầu lên ngọn ải, oán ra cửa phòng.
Chàng tuổi trẻ vốn dòng hào-kiệt,
Xếp bút nghiên theo việc đao cung. (5)

---

(1) *Thanh bình* : Yên lặng.

(2) *Áo nhung* : Áo mặc để đi đánh trận.

(3) *Sứ giời* : Hòa-đế sai sứ-giả đi nhặt phong dao. Hai người sứ-giả đến Ích-châu, vào ở nhà Cáp Hầu mà Cáp Hầu không biết. Cáp trông sao, hỏi hai người sứ rằng : « Khi hai ông đi, hai ông có biết Triều-đình sai hai ông sứ đi không ? » Hai người kia hỏi sao biết. Cáp chỉ sao nói rằng : « Có hai ngôi sứ tinh hướng về địa phận Ích-châu, cho nên biết ». Về sau gọi sứ nhà vua là sứ tinh (sứ giời).

(4) *Thê-noa* : Vợ con. Kinh Thi có câu rằng : 樂爾妻孥 Lạc nhĩ thê noa : Vui vợ con mày.

(5) Ban Siêu đời Hán nhà nghèo lắm, lúc trẻ phải đi viết thuê lấy tiền nuôi mẹ và ăn học, thường ném bút đi, nói rằng : « Đại trượng-phu thì nên bắt chước Phó Giới-Tử và Trương Khiên đi lập công danh ở ngoài biên thùy để được phong hầu, sao lại chịu chết vào bút nghiên thế này. » Sau Ban Siêu quả lập được công, phong Định-viễn hầu.

Thành-liền (1) mong tiến bệ rồng,
Thước gươm đã quyết chẳng dong giặc giời. (2)
Chí làm giai dậm nghìn da ngựa, (3)
Gieo Thái-sơn nhẹ tựa hồng mao. (4)
Giã nhà đeo bức chiến bào,
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu. (5)
Ngoài đầu cầu nước trong như lọc,
Đường bên cầu cỏ mọc còn non,
Đưa chàng lòng dằng dặc buồn,
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền. (6)

---

(1) *Thành liền* : Hòn ngọc Liên-thành. Bắc sử chép rằng : Nước Triệu được hòn ngọc của họ Hòa, người Sở. Vua Chiêu-vương nước Tần viết thơ xin đổi năm thành liền lấy hòn ngọc ấy. Về sau gọi hòn ngọc ấy là ngọc Liên thành.

(2) *Giặc giời* : Điển ở chữ thiên kiêu. Giặc Hồ mạnh hình như con giời. Sách Hán thư có chép rằng : 胡者天之驕子. Hồ giả thiên chi kiêu tử. Rợ Hồ là con kiêu của giời.

(3) Mã Viện đời Đông-Hán bảy mươi tuổi còn đem binh đi đánh giặc, thường nói rằng : « Làm giai nên chết ở nơi chiến trường lấy da ngựa mà bọc xác. Sao lại chịu chết ở tay đàn bà. » Sau Mã Viện chết trận thật.

(4) *Thái-sơn* : Một dãy núi trong năm dãy núi ở nước Tàu, ở vào địa phận tỉnh Sơn-đông. *Hồng mao* : lông con chim hồng. Tư-mã Thiên có câu rằng : « Người ta ai cũng phải một lần chết, nhưng có cái chết nặng như núi Thái-sơn, có cái chết nhẹ như cái lông chim hồng. »

(5) *Thét roi* : dịch ở hai chữ minh tiên 鳴鞭. Minh tiên là một thứ đồ nghi vệ, quất thì nó kêu để khiến cho người ta đứng lại. *Cầu Vị* : cầu ở trên sông Vị. Đời nhà Đường rợ Đột-quyết vào cướp, vua đem quân ra cầu Vị để án ngữ.

(6) Chàng đi ngựa, thiếp giận không được là con ngựa; chàng đi thủy, thiếp giận không được là cái thuyền.

Nước trong chẳng, lòng phiền chẳng rửa,
Cỏ xanh thơm, dạ nhớ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ, lại cầm tay,
Bước đi một bước, lại vin áo chàng.
Lòng thiếp tựa bóng giăng theo dõi.
Dạ chàng xa muôn dặm Thiên-sơn. (1)
Đặt chén tiễn, múa Long-toàn, (2)
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo. (3)

---

(3) *Thiên sơn* 千山 đây là dãy núi ở về địa hạt tỉnh Phụng-thiên. Nhà Đường đi đánh Cao-ly thường đóng quân ở đấy. Không nên nhầm với Thiên-sơn 天山 là giặng núi ở Tây-cương.

(2) *Long toàn* : Tên một thanh bảo kiếm. Trong truyện Trương-Hoa có chép rằng : « Trong khoảng sao Ngưu, sao Đẩu có khí sáng. » Lôi Hoán nói rằng : « Cái khí thiêng của bảo kiếm thấu đến tận giời ». Trương Hoa hỏi ở quận nào? Hoán nói ở Phong-thành đất Dự-chương. Hoa bổ ngay Hoán ra làm quan ở Dự-chương. Hoán đến huyện, bắt đào cái nền ngục sâu xuống hơn bốn trượng thấy một cái hòm bằng đá sáng lạ lùng, trong có hai thanh bảo kiếm, một thanh có khắc chữ Long-toàn, một thanh có chữ Thái-a. Đêm ấy ở khoảng sao Đẩu sao Ngưu, không thấy ánh sáng nữa.

(3) Đoạn này có bản chép là :

Nước *có* chẳng mà phiền chẳng *tả*,
Cỏ *có* thơm mà dạ chẳng khuây.
Nhủ rồi nhủ lại cầm tay,
Bước đi một bước, *giây giây lại dừng*.
Lòng thiếp tựa bóng giăng theo dõi,
Dạ chàng xa muôn dặm *nghìn non*.
Múa gươm rượu tiễn chưa tàn,
Chỉ ngang ngọn giáo vào ngàn hang beo.

Săn Lâu-lan rằng theo Giới-tử, (1)
Giẹp Man-khê bàn sự Phục-ba. (2)
Áo chàng đỏ tựa ráng pha,
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.
Tiếng nhạc ngựa lần chen tiếng trống,
Giáp mặt rồi phút bỗng chia tay.
Hà lương (3) chia rẽ đường này,
Bên đường trông bóng cờ bay ngùi ngùi.
Quân trước đã gần ngoài doanh liễu, (4)
Ngựa sau còn ở nẻo Tràng-dương. (5)
Quân đưa chàng ruổi lên đường,
Liễu-dương (6) biết thiếp đoạn trường (7) này chăng ?

---

(1) *Lâu-lan* : Một nước nhỏ ở đời Tây-Hán. Phó Giới-Tử dùng kế giết được vua nước Lâu-lan.

(2) *Man-khê* : Rợ man ở phía nam nước Tàu. *Phục ba* : Mã Viện đi đánh man về, vua Hán phong làm Phục ba tướng-quân.

(3) *Hà lương* : Nơi đưa tiễn nhau. Thơ Lý Lăng viết cho Tô Vũ có câu rằng : 携手上河梁. 遊子暮何之. Huề thủ thượng hà lương. Du tử mộ hà chi. Giắt tay nhau đến hà-lương. Gã du tử tối nay đi đâu.

(4) *Doanh liễu* . Chỗ đồn binh. Đời Hán, Chu Á-Phu đóng đồn ở đất Tế-liễu, vì thế chỗ đồn quân người ta gọi là liễu-doanh.

(5) *Tràng-dương* : Tên một huyện ở tỉnh Hồ-bắc.

(6) *Liễu-dương* : Cây dương-liễu. Đường thi có câu : 忽見陌頭楊柳色, 悔教夫婿覓封侯. Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc, Hối giao phu tế mịch phong hầu. Chợt thấy cây dương liễu ở bên bờ đường, Hối rằng xui chồng đi lập công để được phong hầu.

(7) *Đoạn trường* : Thương đứt ruột ra. Xưa có người giết chết con vượn cạn, con vượn mẹ kêu mãi rồi chết, lúc mổ ra thì thấy ruột đứt nát cả.

Tiếng địch thổi xa chừng lăng lắc ;
Hàng cờ bay bóng ngất mờ mờ.
Dứt tay theo lớp mây đưa,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà. (1)
Chàng thì trẩy cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về phòng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngàn,
Những mầu mây biếc, cùng ngàn núi xanh. (2)
Chốn Hàm-dương (3) chàng còn ngảnh lại,
Bến Tiêu-tương (4) thiếp hãy trông sang.
Khói Tiêu-tương cách Hàm-dương,
Cây Hàm-dương cách Tiêu-tương mấy trùng.

---

(1) Đoạn này có bản chép là :

Tiếng địch thổi nghe chừng *đồng vọng*,
Hàng cờ bay *trông bóng phất phơ*.
Giấu chàng theo lớp mây *đưa*,
Thiếp nhìn rặng núi ngẩn ngơ nỗi nhà.

(2) Đoạn này bản quốc-ngữ chép là :

Chàng thì *đi* cõi xa mưa gió,
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn.
Đoái trông theo đã cách ngàn,
Tuôn mầu mây biếc, *trải* ngàn núi xanh.

(3) *Hàm-dương* : Tên đất. Tần Hiếu-công trước đóng đô ở Hàm-dương. Nay đất ấy thuộc tỉnh Thiểm-tây.

(4) *Tiêu Tương* : Chỗ sông Tiêu, sông Tương hợp lưu với nhau, nay ở trong tỉnh Hồ-nam. Đường thi có câu : 君向瀟湘我向秦. Quân hướng Tiêu Tương, ngã hướng Tần. Chàng về bến Tiêu Tương, ta về Tần.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy,
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một mầu,
Lòng chàng, ý thiếp, ai sầu hơn ai?
Chàng từ đi vào nơi gió cát,
Đêm giăng này nghỉ mát phượng nao? (1)
Xưa nay chiến địa nhường bao?
Nỗi không muôn dặm xiết bao dãi dầu!
Hơi gió lạnh người rầu, mặt dạn,
Dòng nước sâu ngựa nản chân bon.
Ôm yên, gối trống đã chồn,
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh. (2)
Nay Hán xuống Bạch-thành (3) đóng lại,
Mai Hồ vào Thanh-hải (4) dòm qua.

---

(1) Thơ cổ có câu: 今夜不知何處宿, 平沙萬里絕人烟. Kim dạ bất tri hà xứ túc, Bình sa vạn lí tuyệt nhân yên. Đêm nay không biết nằm ở nơi nào? Ở chỗ bãi cát muôn dặm, tuyệt không có người ở.

(2) Thơ Lý Bạch có câu: 醉臥沙場君莫笑, 古來征戰幾人回. Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu, Cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi. Say nằm ở bãi cát, ngài đừng cười, Xưa nay kẻ đi chinh chiến có mấy người về được.

(3) *Bạch-thành*: Thành Bạch-đăng. Hán Cao-Tổ bị vây ở đấy.

(4) *Thanh-hải*: Tên đất. Đất ấy ở về phía tây tỉnh Cam-túc nước Tàu. Trong đất có cái hồ nước mặn rộng lắm. Rợ Hồ hay quấy nhiễu Trung-quốc ở đấy. Khúc Quan-sơn của Lý Bạch có câu: 漢下白登城, 胡窺青海渡. Hán hạ Bạch-đăng thành, Hồ khuy Thanh-hải độ. Nhà Hán xuống thành Bạch-đăng. Rợ Hồ dòm đất Thanh-hải.

Hình khe, thế núi gần xa,
Đứt thôi lại nối, thấp đà lại cao.
Sương đầu núi buổi chiều như giội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sào.
Não người áo giáp bấy lâu!
Lòng quê qua đó mặt rầu chẳng khuây.
Trên trướng gấm thấu hay chăng nhẽ?
Dạng chinh-phu ai vẽ cho nên.
Tưởng chàng giong ruổi mấy niên,
Chẳng nơi Hãn-hải (1) thì miền Tiêu-quan. (2)
Đã trắc-trở đòi ngàn sà hổ,
Lại lạnh-lùng những chỗ sương phong.
Lên cao trông thức mây lồng,
Lòng nào là chẳng động lòng bi thương.
Từ trấy sang đông nam ngất nẻo,
Biết rằng chàng tiến thảo (3) nơi đâu.
Những người chinh chiến bấy lâu,
Nhẹ xem tính mịnh như mầu cỏ cây. (4)

---

(1) *Hãn hải*: Bãi sa-mạc.

(2) *Tiêu-quan*: Tên một cái cửa ải ở Quan-trung. Tiêu-quan ở vào đông-nam huyện Cố-nguyên, tỉnh Cam-túc.

(3) *Tiến thảo*: *Tiến* là đi lên; *thảo* là đánh. Tiến quân lên đánh giặc.

(4) Hán thư có câu: 秦觀人性命輕如草芥. Tần quan nhân tính mịnh khinh như thảo giới. Nhà Tần coi tính mệnh dân như cỏ rác.

Nức hơi mạnh ơn dầy từ trước. (1)
Trải chốn nghèo tuổi được bao nhiêu?
Non Kỳ mộ chỉ giăng treo, (2)
Bến Phi gió thổi đìu hiu mấy gò. (3)
Hồn tử-sĩ gió ù ù thổi,
Mặt chinh-phu giăng dõi dõi soi.
Chinh-phu tử-sĩ mấy người,
Nào ai mạc mặt, (4) nào ai gọi hồn?
Dấu binh lửa, nước non như cũ,
Kẻ hành-nhân qua đó chạnh thương.
Phận giải già ruồi chiến-trường,
Chàng Siêu (5) mái tóc điểm sương mới về.
Tưởng chàng trải nhiều bề nắng nỏ,
Ba thước gươm, một bộ nhung yên.

---

(1) Nước Sở đánh nước Tiêu. Thần-công Vu thần nói rằng: « Quân rét lắm ». Vua Sở đi tuần, vỗ về và khuyên nhủ ba quân rất ân cần, quân tướng vui lòng quên cả rét mà lại thấy ấm như ôm bông vậy.

(2) Hoắc Khứ-Bệnh đời Hán đánh Hung-nô ở núi Kỳ-liên giết được nhiều quân giặc lắm, khi Khứ-Bệnh chết, vua sai đắp mộ như hình núi Kỳ-liên. Núi Kỳ-liên tức là Thiên-sơn, nay ở vào tỉnh Cam-túc.

(3) Tần Bồ-Kiên đánh Tấn thua ở Phi-thủy, quân mười phần chết hết tám chín. Sông Phi phát nguyên ở núi Tử-bồng huyện Hợp-phì tỉnh An-huy.

(4) *Mạc mặt*: Vẽ ra mặt người đi chinh chiến.

(5) *Siêu*: Ban Siêu (xem nhời thích ở trang 94).

Sông pha gió bãi, giăng ngàn,
Tên treo đầu ngựa (1) giáo lan mặt thành. (2)
Áng công danh trăm đường rộn rã,
Những nhọc nhằn nào đã nghỉ ngơi.
Nỗi lòng biết ngỏ cùng ai,
Thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây. (3)
Trong cửa này, đã đành phận thiếp,
Ngoài mày kia, há kiếp chàng vay?
Những mong cá nước (4) vui vầy,
Bây giờ đôi ngả nước mây (5) cách vời.

---

(1) Mặc-Đặc, vua Hung-nô ra lịnh gõ cái mũi tên là phải bắn cá. Ai không bắn thì chém.

(2) *Giáo lan mặt thành* : Giồng cây tre ở ngoài thành, quân vít ngọn xuống bám vào rồi để cho cây tre vật ngọn đưa lên trên mặt thành.

(3) *Chân mây* : Chỗ xa xôi lắm. Cổ thi có câu : 相去萬餘里各在天一涯. Tương khứ vạn dư lí, các tại thiên nhất nhai. Cách nhau hơn muôn dặm, mỗi người ở một bên chân giời.

(4) *Cá nước* : Hoàn-Công khiến Quản Trọng đi cầu Ninh Thích, Ninh Thích nói rằng : « 浩浩乎 » Hiệu hiệu hồ : Mông mênh vậy ôi. Quản Trọng không hiểu. Con đòi thưa rằng : Kinh Thi có câu : 浩浩者水, 育育者魚, 未有家室而安召我居. (Hiệu hiệu giả thủy, dục dục giả ngư, vị hữu gia thất nhi an triệu ngã cư : Nước mông mênh, cá nhung nhúc, chưa có nhà cửa mà sao vời ta ở). Gã Ninh muốn lấy vợ chăng? Nay người ta nói duyên vợ chồng là duyên cá nước.

(5) *Nước mây* : Nước sinh ra mây, bởi thế Thủy-phủ gọi là Thủy vân hương. Mây vốn ở nước ra, mây lại ở cao, xa hẳn nước đi.

Thiếp chẳng tưởng ra người chinh phụ,
Chàng há từng học lũ vương tôn. (1)
Cớ sao cách trở nước non,
Khiến người thôi sớm, thời hôm những sầu.
Phác phong lưu đương chừng niên thiếu,
Sánh nhau cùng gian giu chữ duyên.
Nỡ nào đôi lứa thiếu niên,
Quan sơn dễ cách hàn huyên (2) bao đành ?
Thủa làm hành oanh chưa bén liễu,
Hỏi ngày về ước nẻo quyên ca. (3)
Nay quyên đã dục oanh già,
Ý-nhi (4) lại gáy trước nhà líu lo.
Thủa đăng đồ (5) mai chưa dạn gió.
Hỏi ngày về chỉ độ đào bông.
Nay đào đã quyến gió đông,
Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ.

---

(1) *Vương tôn* : Con nhà quí tộc. Sở từ có câu : 王孫遊兮不歸. Vương tôn du hề bất qui : Con nhà quí tộc đi chơi không về.

(2) *Hàn* : Lạnh. *Huyên* : Ấm. Những nhời thăm hỏi nhau.

(3) *Quyên ca* : Tiếng cuốc kêu. Cuốc kêu về mùa hè.

(4) *Ý-nhi* : Chim yến. Trang-tử : 烏莫知於鵲鴝. Điểu mạc tri ư ý nhi. Không chim nào biết bằng ý-nhi.

(5) *Đăng đồ* : Lên đường.

Hẹn cùng ta Lũng-tây nham(1) ấy,
Trót ngày trông nào thấy hơi tăm,
Ngập ngừng lá rụng cành trâm,
Đứng trông nghe rậy tiếng cầm(2) sôn sao.
Hẹn nơi nao Hán-dương(3) cầu nọ,
Chiều lại tìm nào có tiêu hao.
Ngập ngừng gió thổi áo bào,
Bãi hôm tuôn dẫy nước chiều mênh mông.
Tin gửi đi người không thấy lại,
Hoa dương tàn đã trải rêu xanh.
Rêu xanh mấy lớp chung quanh,
Dạo sân một bước, trăm tình ngẩn ngơ.
Thư thường đến người không thấy đến,
Bức rèm thưa lần truyền bóng dương.
Bóng dương mấy buổi xuyên ngang,
Nhời sao mười hẹn, chín thường đơn sai.
Thử tính lại diễn khơi ngày ấy,
Tiền sen(4) này đã nẩy là ba.

---

(1) *Lũng-tây nham* : Núi ở Lũng-tây. Lũng-tây ở về tỉnh Thiểm-tây. 與我期何所, 乃期隴西隅. Dữ ngã kỳ hà sở, nãi kỳ Lũng-tây ngung. Hẹn cùng ta ở đâu? Hẹn ta ở góc núi Lũng-tây.

(2) *Tiếng cầm* : Tiếng chim.

(3) *Hán-dương* : Tên một quận cũ bên Tàu.

(4) *Tiền sen* : Lá sen mới nhú lên nhỏ như đồng tiền. Ba lần thấy lá sen như đồng tiền là ba năm.

Xót người lần lữa ải xa,
Xót người nương chốn hoàng hoa (1) dặm dài.
Tình gia thất nào ai chẳng có,
Kìa lão-thân, khuê phụ (2) nhớ thương!
Mẹ già phơ phất mái sương,
Con thơ măng sữa vả đương phù trì.
Lòng lão thân buồn khi tựa cửa, (3)
Miệng hài nhi chờ bữa mớm cơm.
Ngọt bùi thiếp đã hiếu nam,
Luyện con đèn sách, thiếp làm phụ thân.
Nay một thân nuôi già, dạy trẻ,
Nỗi quan hoài mang mể biết bao!
Nhớ chàng trải mấy sương sao,
Xuân từng đổi mới, đông nào còn dư?
Kể năm đã ba tư cách diễn,
Mối lòng thêm nghìn vạn ngổn ngang.

---

(1) *Hoàng hoa* : Hoa cúc. Cúc nở về tháng chín. Lệ đến tháng chín thì đổi thú, người ta gọi là Hoàng hoa thú.

(2) *Lão thân* : Bố mẹ già. *Khuê phụ* : Vợ trẻ.

(3) Vương Tôn-Giả thờ Tề-Vương. Tề-Vương trốn. Giả về, mẹ bảo rằng : « Trước kia hễ mày đi thì ta tựa cửa ngóng mày. Nay mày đã thờ vua, vua có nạn, mày không biết vua trốn đâu, mày còn về làm gì nữa » ?

Ước gì gần gũi tấc gang,
Dở niềm cay đắng để chàng tỏ hay.
Thoa cung Hán (1), của ngày xuất giá,
Gương lầu Tần (2), dấu đã soi chung.
Cậy ai mà gửi tới cùng,
Xin chàng thấu hết tấm lòng tương tư.
Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu (3) thuở bé vui chơi,
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.
Trải mấy xuân tin đi, tin lại,
Đến xuân này tin hãy vắng không.

---

(1) *Thoa cung Hán* : Đời Hán Vũ-đế có thần nữ dâng một cái thoa bằng ngọc, đến đời Chiêu-đế, cung nữ mở hộp ra thì cái thoa hóa ra con yến bay mất.

(2) *Gương lầu Tần* : Tần Thủy-Hoàng có cái gương rộng bốn thước, cao năm thước chín, người ta lấy tay để vào trái tim, soi vào thì thấy cả ruột gan, soi người có bệnh thì thấy chỗ đau, soi đàn bà con gái bất chính thì thấy cái mật phồng lên, trái tim động. Thủy-Hoàng dùng kính ấy soi các cung nữ, hễ thấy ai mà trái tim động thì giết đi.

(3) Bà Lý phu-nhân đời Hán Vũ-đế lấy ngọc làm trâm cài đầu, từ đấy các cung nhân bắt chước đều lấy ngọc làm trâm gọi là ngọc tao đầu.

Thấy nhạn, luống tưởng thư phong, (1)
Nghe hơi sương, sắm áo bòng sẵn sàng. (2)
Gió tây nổi, không đường hồng tiện,
Xót cõi ngoài tuyết quyến, mưa sa.
Màn mưa, trướng tuyết xông pha,
Nghĩ thêm lạnh lẽo kẻ ra cõi ngoài.
Đề chữ gấm (3) phong thôi lại mở,
Gieo bói tiền (4) tin dở còn ngờ.
Giời hôm tựa cửa ngẩn ngơ,
Giăng khuya nương gối bơ phờ tóc mai
Há như ai hồn say bóng lần,
Bỗng thờ ơ lẩn thẩn hư không.
Trâm cài, xiêm giắt thẹn thùng,
Lệch vừng tóc rối, lỏng vòng lưng eo.

---

(1) Trông thấy chim nhạn ngỡ có tin tức. Đời Hán, Tô-Vũ đi sứ Hung-nô phải đầy ra Bắc-hải chăn dê. Sau Hán với Hung-nô hòa, sứ nhà Hán sang đòi Tô Vũ. Vua Hung-nô nói chết rồi. Có người sui sứ nhà Hán nói rằng: Vua Hán có bắn được con nhạn ở chân có buộc một miếng lụa trắng trong có chữ nói Tô Vũ phải đầy ở chỗ ấy chỗ nọ, Hung-nô sợ phải tạ tội.

(2) Nàng Trần Ngọc-Lan vợ Vương Giá, chồng đi thú xa, hễ thấy sương sa là may áo gửi cho chồng.

(3) *Chữ gấm*: Trương Quỹ đi thú mười năm không được về, vợ là Hầu-thị làm bài thơ dệt thành gấm ra hình con rùa đưa lên vua. Vua thương tình cho Quỹ về.

(4) *Bói tiền*: Xưa bói bằng mai rùa và cỏ thi, đến đời Hán, Kinh Phòng dùng tiền bói thay mai rùa.

Dạo hiên vắng, thầm gieo từng bước,
Ngoài rèm thưa, rủ thác (1) đòi phen.
Ngoài rèm thước chẳng mách tin, (2)
Trong rèm dường đã có đèn biết chăng.
Đèn có biết nhường bằng chẳng biết,
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.
Buồn rầu nói chẳng nên nhời,
Hoa đèn kia với bóng người khá thương!
Gà eo óc gáy sương năm trống, (3)
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.
Khắc giờ đằng đẵng bấy niên,
Mối sầu rắng rặc tựa miền bể xa.
Hương gượng đốt, hồn đà mê mải,
Gương gượng soi, lệ lại chứa chan.
Sắt cầm gượng gẩy ngón đàn,
Dây uyên kinh đứt, phiếm loan ngại trùng.
Lòng này gửi gió đông có tiện,
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên. (4)

---

(1) *Thác* : Chống lên, cuốn lên.

(2) Tục tin rằng chim thước kêu là báo tin mừng, cho nên có những chữ như: thước báo, thước ngữ, thước hỷ.

(3) *Năm trống*: Năm trống canh trong một đêm.

(4) *Non Yên*: Núi Yên-nhiên ở đất ngoại Mông-cổ. Đời Hậu-Hán, Đậu Hiến đánh đuổi Đơn-vu đến đấy lên núi đục đá để công rồi mới về.

Non Yên dấu chẳng tới miền,
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng giời.
Giời thăm thẳm xa vời khôn thấu,
Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong.
Cảnh buồn, người thiết tha lòng,
Hình cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun. (1)
Sương như búa, bổ mòn gốc liễu,
Tuyết nhường cưa, sẻ héo cành ngô.
Giọt sương phủ bụi chim gù,
Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi.
Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc,
Một hàng tiêu, gió thốc ngoài hiên.
Màn trong cửa sổ gió xuyên,
Giăng lay hoa bóng sợi lên trước rèm (2).
Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.
Đâu xiết kể trăm sầu nghìn não,
Từ nữ công phụ sảo (3) điều nguôi.

---

(1) Cây cối ở trong đám sương mù, giun dế kêu trong khi mưa

(2) Giăng chiếu đưa cái bóng hoa lên cái mành.
Hai câu này bản quốc ngữ chép là :

Lá màn lay ngọn gió xuyên,
Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm.

(3) *Nữ công phụ sảo* : Công việc và nghề khéo của đàn bà, con gái.

Biếng cầm kim, biếng đưa thoi,
Oanh đôi thẹn dệt, bướm đôi ngại thùa.
Mặt biếng tô, miệng càng biếng nói,
Sớm lại chiều rời rõi nượng song.
Nương song luống ngẩn ngơ lòng,
Vắng chàng điểm phấn, trang hồng với ai ?
Biếng trang điểm lòng người phiền não,
Xót nỗi chàng ngoài cõi giang băng. (1)
Khác gì ả Chức (2), chị Hằng, (3)
Bến Ngân sùi sụt, cung giăng chốc mòng.
Sầu ôm nặng hãy chồng làm gối,
Buồn chứa đầy hãy thổi làm cơm.
Mượn hoa, mượn rượu dải buồn,
Sầu làm rượu nhạt, muộn giồn hoa ôi.
Gõ sênh ngọc mấy hồi không tiếng,
Ôm đàn tranh mấy phiếm rời tay.
Xót người hành dịch (4) bấy nay !
Dặm xa mong mỏi hết đầy lại vơi.

---

(1) *Giang băng* : Nơi rét lắm, nước sông đóng lại thành băng. Câu này các bản quốc-ngữ chép là :

Xót nỗi chàng ngoài cõi giang *lăng*.

(2) *Ả chức* : Chức-nữ.

(3) *Chị Hằng* : Hằng-nga. Vợ Hậu Nghê, ăn trộm thuốc tiên của chồng rồi trốn lên cung giăng.

(4) *Hành dịch* : Đi làm việc quan.

Ca quyên (1) ghẹo, làm rơi nước mắt,
Trống tiều (2) khua, như dứt buồng gan.
Võ vàng đổi khác dong nhan,
Khuê ly (3) mới biết tân toan (4) nhường này.
Nếm mùi cay tấm lòng mới tỏ,
Mùi cay này hả có vì ai.
Vì chàng lệ thiếp rỏ đôi,
Vì chàng thân thiếp lẻ loi một bề.
Thân thiếp chẳng gần kề dưới trướng,
Lệ thiếp nào chút vướng bên khăn. (5)
Vui còn hồn mộng (6) được gần,
Đêm đêm thường đến Giang-tân (7) tìm người.
Tìm chàng thuở Dương-đài (8) lối cũ,
Gặp chàng nơi Tương-phố (9) bến xưa.

---

(1) *Ca quyên* : Tiếng cuốc kêu.

(2) *Trống tiều* : Tiếng trống lầu canh.

(3) *Khuê ly* : Chia rẽ.

(4) *Tân toan* : Cay, chua.

(5) *Bên khăn* : Khăn của chồng.

(6) *Hồn mộng* : Chữ nho là mộng hồn nghĩa là lòng tơ tưởng tinh thành thì phát ra ở khi chiêm bao. Thơ Lý Bạch có câu rằng : 夢魂不到關山難. Mộng hồn bất đáo quan sơn nan. Quan-sơn cách trở, dù mộng hồn cũng khó đến được.

(7) *Giang-tân* : Thành Giang-tân ở tỉnh Hồ-bắc.

(8) *Dương-đài* : Ngọn núi ở về tỉnh Hồ-bắc, bên bắc sông Hán-thủy, hình núi như cái đài cho nên gọi là Dương-đài. Sở Tương-vương nằm mộng gặp thần Vu-sơn ở đấy.

(9) *Tương phố* : Sông Tương ở tỉnh Hồ-nam. Xưa có người bắt được một quả đào, nằm thấy đi chơi sông Tương với một người gái đẹp.

Xum vầy mấy lúc tình cờ,
Chẳng qua trên gối một giờ mộng xuân. (1)
Giận thiếp thân lại không bằng mộng,
Thời gần chàng bến Lũng (2), thành Quan. (3)
Khi mơ những tiếc khi tàn,
Tình trong giấc mộng, muôn vàn cũng không.
Vui có một, tấm lòng chẳng dứt,
Vốn theo chàng, giờ khắc nào nguôi.
Lòng theo nhưng chửa thấy người,
Lên cao mấy lúc trông vời bánh xe.
Trông bến nam, bãi che mặt nước,
Cỏ biếc um, dâu mướt mầu xanh.

---

(1) *Mộng xuân* : Thơ cổ có câu : 枕上片時春夢中, 行盡江南數千里. Trầm thượng phiến thời xuân mộng trung, Hành tận Giang-nam sổ thiên lí. Trong một giấc mộng mùa xuân, đi hết được vài nghìn dặm ở Giang-nam..

(2) *Bến Lũng* : Ở tỉnh Thiểm-tây và Cam-túc có rặng núi Lũng-sơn cao lắm, tục truyền trèo đến 7 ngày mới lên đến đỉnh. Những lính ở Sơn-đông ra thú đấy, lên núi trông về phương nhà không ai là không có lòng thương nhớ.

(3) *Thành Quan* : Tức là Hàm-cốc hay là Đồng-quan, cửa ải đặt ở tỉnh Thiểm-tây.

Xóm làng gần nửa lênh chênh, (1)
Chim còn bãi cát những tình chiều hôm.
Trông đường bắc tìm chòm quán khách,
Mây biếc, cây non, ngất giời xanh.
Nửa hòa thử tính hoàng thành, (2)
Mưa phun mặt nước, địch quanh nóc lầu.
Non đồng thấy lá hầu chất đống,
Trĩ sập sèo, mai cũng bẻ bai.
Khói mù nghi ngút ngàn khơi,
Con chim bạt gió lạc loài kêu thương.
Lũng-tây thấy nước nhường uốn khúc,
Nhạn liệng không, sông dục thuyền câu. (3)
Ngàn thông chen chóc cỏ lau,
Cách ghềnh nào thấy người đâu đi về.

---

(1) Đoạn này có bản chép là :

Nhà thôn mấy xóm chông chênh,
Một đàn cò đậu trước ghềnh chiều hôm.
Trông đường bắc *đội* chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngất núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thôi ngọc địch véo von bên lầu.

(2) Khi nhà Chu đã dời về Đông, có quan đại-phu đi việc quan qua kinh đô cũ thấy trong thành dân cấy lúa, hoài cổ làm bài thơ Thử-ly.

(3) Chỉ thấy trên giời có nhạn lượn, dưới sông có cái thuyền câu.

Trông bốn bề chân giời, mặt đất,
Lên xuống lầu thấm thoắt đòi phen.
Lớp mây che mắt ngại nhìn,
Đâu nơi chinh chiến, đâu miền Ngọc-quan. (1)
Gậy rút đất (2) dễ khôn học chước,
Khăn gieo cầu (3) nào được thấy tiên.
Lòng này hóa đá (4) cũng nên.
E không giọt ngọc mà lên trông lầu.
Lúc ngoảnh lại ngắm mầu dương liễu,
Thời khuyên chàng đừng chịu tước phong.

---

(1) *Ngọc-quan* : Ngọc-môn quan, tên cửa ải ở miền tây nước Tàu.

(2) *Gậy rút đất* : Phép làm co đất lại cho gần. Truyện Thần tiên chép rằng Phí Trường-Phòng có phép co đất làm cho chỗ xa nghìn dặm đến ngay trước mắt, buông ra thì lại như cũ. Có sách lại nói rằng : Phí Trường-Phòng người đời Đông-Hán học đạo Hồ-Công. Khi về, thầy cho một cái gậy trúc dặn rằng định đi đâu cưỡi lên là đến nơi ngay, đến nơi thì bỏ ở bờ ruộng sắn. Tử-Phòng cưỡi gậy, một thoáng đã về đến nhà, để gậy ở bờ sắn, gậy hóa ra rồng. Trong một ngày người ta thấy Tử-Phòng ở mấy chỗ cách nhau hàng nghìn dặm. Ai cũng lấy làm lạ, cho Tử Phòng có phép rút được đất lại gần.

(3) *Khăn gieo cầu* : Thần tiên truyện chép rằng : Thôi-sinh vào núi gặp tiên, kết duyên vợ chồng. Tiên cho cái bùa ẩn hình. Khi Thôi-sinh về, lẩn vào cung chơi, phải một nhà thuật-sĩ biết, đuổi bắt. Thôi-sinh chạy, nhà thuật-sĩ đuổi gần kịp, mà trước mặt lại có sông, vợ ném cái khăn thành cầu cho Thôi-sinh sang sông.

(4) *Hóa đá* : Xưa có người tiễn chồng, lên núi đứng ngóng chồng hóa ra đá gọi là Vọng phu thạch. Bên ta tục truyền nàng Tô-thị lên núi Kỳ-lừa để ngóng chồng cũng hóa ra đá.

Chẳng hay muôn dặm ruổi giong,
Lòng chàng có cũng như lòng thiếp chăng?
Lòng chàng ví cũng bằng như thế,
Lòng thiếp đâu dám nghĩ gần xa.
Hướng dương (1) lòng thiếp dường hoa,
Lòng chàng lần thần e tà bóng dương.
Bóng dương dễ hoa vàng chẳng đoái,
Hoa để vàng bởi tại bóng dương.
Hoa vàng, hoa rụng quanh tường,
Trải xem hoa rụng đêm sương mấy lần.
Chồi lan nở trước sân đã hái,
Ngọn tần (2) kia bên bãi đưa hương.
Sửa xiêm dạo bước tiền đường,
Ngửa trông xem vẻ thiên chương (3) thần thờ.

---

(1) *Hướng dương* : Trông về mặt giời. Hoa quì xoay theo mặt giời cho nên gọi là hướng nhật quì.

(2) *Ngọn tần* : Thứ rau mọc ở dưới nước. Rau tần, rau tảo là hai thứ rau đàn bà đời xưa đi hái về để cúng tế. Cho nên người đàn bà trông nom việc nhà gọi là tần tảo.

(3) *Thiên chương* : Cái đẹp ở trên giời. Sách có câu : 日月星宿天之文章, 山川草木地之文章. Nhật nguyệt tinh tú, thiên chi văn chương; sơn xuyên thảo mộc, địa chi văn chương. Mặt giời, mặt giăng, tinh tú là văn chương của giời; núi sông, cây cỏ là văn chương của đất.

Bóng Ngân-hán (1) khi mờ khi tỏ,
Độ Khuê-triền (2) buổi có buổi không.
Thức mây đòi lúc nhạt nồng,
Chuôi sao Bắc-đẩu (3) thôi đông lại đoài. (4)
Mặt giăng tỏ thường soi bên gối, (5)
Bừng mắt trông sương gội cành khô.
Lạnh lùng thay bấy, chiều thu!
Gió may hiu hắt, trên đầu tường vôi.
Một năm một nhạt mùi son phấn,
Trượng phu còn thơ thẩn miền khơi.
Xưa sao hình ảnh chẳng rời,
Bây giờ nỡ để cách vời Sâm, Thương. (6)

---

(1) *Ngân-hán*: Sông Thiên-hà ở trên giời.

(2) *Khuê triền*: *Khuê* là một chòm sao trong hai mươi tám chòm sao. (nhị thập bát tú). *Triền*: Đường đi của mặt giời mặt giăng và sao. Theo Tàu thì giời chia làm ba trăm sáu mươi triền độ. Khuê triền là đường đi của chòm sao Khuê.

(3) *Bắc-đẩu*: Chòm bảy ngôi sao (thất tinh) đóng ở phương bắc.

(4) *Đoài*: Phương tây. Theo bát quái thì cung đoài đóng ở phương tây.

(5) Trong bài thơ Tư chinh phu của Ngụy Văn-đế có câu: 明月皓皓照我床. Minh nguyệt hiệu hiệu chiếu ngã sàng. Bóng giăng vằng vặc soi vào giường ta.

(6) *Sâm, Thương*: Sao hôm, sao mai. Sao hôm chiều mọc ở đàng tây, sao mai sáng mọc ở đàng đông. Hai sao ấy không bao giờ cùng thấy ở trên giời; bởi thế người ta ví những người lâu không được gặp nhau như Sâm Thương. Theo thiên văn học thì Sâm Thương là một, tức là kim tinh (vénus), khi nó đi sau mặt giời, thì chiều trông thấy gọi là sao hôm, khi nó đi trước mặt giời thì sáng trông thấy gọi là sao mai.

Chàng ruổi ngựa dặm trường mây phủ,
Thiếp dạo hài lối cũ rêu in.
Gió xuân ngày một vắng tin,
Khả thương lần hết mấy phen lương thì. (1)
Sợ nhớ khi cành Diêu, đóa Ngụy, (2)
Trước gió xuân vàng tía sánh nhau.
Nọ thì ả Chức, chàng Ngâu,
Đến giăng thu lại bắc cầu (3) qua sông.
Thiết một thân phòng không luống giữ,
Thời tiết lành nhẫm nhỡ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruổi mau,
Người đời thấm thoắt qua mầu xuân xanh:
Xuân, thu để giận quanh ở dạ, (4)
Hợp ly đành buồn quá khi vui. (5)

---

(1) *Lương thì* : Khí giời ấm áp sáng sủa. Sách Bắc-Tề có câu : 良辰美景未嘗虛棄. Lương thì, mĩ cảnh vị thường hư khí. Khi ấm áp vui vẻ, cảnh đẹp đẽ chưa từng bỏ qua.

(2) *Cành Diêu, đóa Ngụy* : Tên hai thứ hoa mẫu đơn. Bài ký hoa mẫu đơn của Âu Dương-Tu chép rằng : Diêu hoàng là thứ hoa cánh vàng, giống của nhà họ Diêu, Ngụy tử là thứ hoa cánh tía, giống của nhà họ Ngụy.

(3) Đến ngày mồng bảy tháng bảy quạ bắc cầu ở trên sông Thiên-hà để cho Ngưu-lang, Chức-nữ gặp nhau.

(4) Cái giận mùa xuân chưa hết đã đến cái giận mùa thu.

(5) Cái vui hợp mặt ít, cái buồn biệt li nhiều. Bài thơ thất tịch của Trương Tố có câu rằng : 別多會少奈若何,却憶從前歡愛多. Biệt đa, hội thiểu, nại nhược hà. Khước ức tòng tiền hoan ái đa. Xa nhau nhiều, hợp nhau ít làm thế nào ? Nhớ lúc trước cùng nhau ân ái nhiều.

Oán sầu nhiều mối tơi bời,
Liễu bồ hầu dễ ép nài chiều xuân.
Kìa Văn-quân (1) mỹ miều thủo trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.
Mặt hoa nọ, gã Phan-lang, (2)
Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng.
Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
Tiếc quang âm (3) lần lữa gieo qua.
Nghĩ mình bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc mà ra nạ dòng. (4)
Gác hương nọ mơ mòng vẻ mặt,
Lầu hoa kia phảng phất hơi hương.
Trách giời sao để nhỡ nhàng,
Thiếp rầu thiếp, lại rầu chàng chẳng quên.
Chàng chẳng thấy chim uyên ở nội,
Cũng dập dìu chẳng vội phân trương.
Chẳng xem chim yến trên lương,
Bạc đầu không nỡ đôi đường rẽ nhau.

---

(1) *Văn-quân* : Nàng Trác Văn-Quân hóa chồng trẻ, nghe khúc đàn Phượng-hoàng-cầu của Tư-mã Tương-Như, đêm trốn đi với Tương-Như. Sau Tương-Như muốn lấy thiếp, Văn-quân làm mấy khúc Bạch-đầu ngâm, Tương-Như cảm tình phải thôi.

(2) *Phan-lang* : Tức là Phan An-Nhân, người đẹp giai, mỗi khi ra đường, đàn bà con gái lấy hoa quả ném đầy cả xe.

(3) *Quang* : Sáng ; *âm* : Tối. Quang âm chỉ ngày tháng, thì giờ. Văn Lý Bạch có câu : 天地者萬物之逆旅，光陰者百代之過客. Thiên địa giả vạn vật chi nghịch lữ ; Quang âm giả bách đại chi quá khách. Giời đất là nhà trọ của muôn vật, quang âm là khách qua đường của trăm đời.

(4) *Nạ dòng* : Đàn bà hóa và đã có tuổi.

Kìa loài sâu hai đầu cũng sánh,
Nọ loài chim chắp cánh cùng bay.
Liễu sen là thức cỏ cây,
Đôi hoa cũng sánh (1), đôi cây cũng liền. (2)
Ấy loài vật tình duyên còn thế,
Sao kiếp người nỡ để đấy đây.
Thiếp xin về kiếp sau này,
Như chim liền cánh, như cây liền cành.
Đành muôn kiếp chữ tình đã vậy,
Theo kiếp này hơn thấy kiếp sau.
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu.
Thiếp thì giữ mãi lấy mầu trẻ trung.
Xin làm bóng theo cùng chàng vậy,
Chàng đi đâu cũng thấy thiếp bên.
Chàng nương vừng nguyệt phỉ nguyền,
Mọi bề trung hiếu thiếp xin vẹn tròn.
Lòng hứa quốc (3) thắm son ngần ngắt,
Sức tỷ dân (4) nhường sắt trơ trơ.

---

(1) Xưa có hai vợ chồng yêu nhau lắm, bị giặc phá nhà, hai vợ chồng nhảy cả xuống ao chết. Năm sau sen ao ấy sinh hoa tịnh-đế (Tình-sử).

(2) Tống Khang-vương thấy vợ Hàn Bằng là Hà-thị đẹp lắm, giết Bằng đi cướp Hà-thị. Hà-thị tự tử có thơ để lại xin được chôn chung với chồng. Khang-vương giận, truyền chôn đối nhau. Hôm sau thấy ở mỗi mồ có một cây tử mọc lên, trên thì cành kết với nhau, dưới thì rễ liền với nhau. (Tình-sử).

(3) *Hứa quốc* : Đem thân ra gánh vác việc nước.

(4) *Tỷ dân* : Giúp dân.

Máu Thuyền-vu (1), quắc Nhục-chi, (2)
Ấy thì buổi uống, ấy thì bữa ăn.
Mũi đồng bác đòi lần hăm hở,
Đã lòng giời gìn giữ người trung.
Hộ chàng trăm trận nên công,
Buông tên ải bắc, treo cung non đoài. (3)
Bóng kỳ sý (4) giã ngoài quan ải,
Tiếng khải ca (5) giở lại thần kinh.
Đỉnh non bia đá đề danh, (6)
Triều thiên vào trước cung đình dâng công.
Nước duềnh Hán việt đồng rửa sạch, (7)
Khúc nhạc từ giéo giắt tiếng khen.

---

(1) *Thuyền-vu* : Bên Hung-nô gọi vua là Thuyền-vu.

(2) *Quắc* : Đầu. *Nhục-chi* : Một nước cũ ở giáp tỉnh Cam-túc. Đời Hán, nước ấy bị rợ Hung-nô đánh phá, dân chạy ra A-mẫu-hà, về sau thành nước Đại-nhục-chi. Phần dân không chạy, ở lại chỗ cũ thì gọi là Tiểu-nhục-chi.

(3) Thơ Đỗ Phủ có câu : 番海無傳箭, 天山早掛弓. Phiên hải vô truyền tiễn. Thiên sơn tảo quải cung. Ở Phiên-hải không truyền tên nữa. Treo cung lên núi Thiên-sơn. Nghĩa nói không có loạn lạc nữa.

(4) *Kỳ sý* : Cờ trận.

(5) *Khải ca* : Bài quân hát mừng khi được trận về.

(6) Đời Hậu Hán, Đậu Hiến đánh đuổi Thuyền-vu rồi lên núi Yến-nhiên đục đá đề công rồi mới về.

(7) *Duềnh Hán* : Sông Ngân-hà. Thơ Đỗ Phủ có câu : 安得壯士挽天河, 洗淨甲兵長不用. An đắc tráng sĩ vãn Thiên-hà. Tẩy tịnh giáp binh trường bất dụng. Làm sao cho được kẻ tráng-sĩ kéo sông Thiên-hà xuống, để rửa sạch áo giáp, đồ binh không dùng đến nữa.

Tài so Tần, Hoắc(1) vẹn tuyền,
Tên ghi gác Khói, tượng truyền đài Lân.(2)
Nền huân tướng(3) đai càn rạng vẻ,
Chữ đồng hưu(4) bia đề nghìn đông.
Ơn trên tử ấm, thê phong,
Hiển vinh thiếp cũng được chung hưởng giời.
Thiếp chẳng dại như người Tô-phụ,(5)
Chàng hẳn không như lũ Lạc-dương.(6)

---

(1) *Tần, Hoắc* : Tần Quỳnh, tự Thúc Bảo theo Đường đánh Vương Thế-Sung có công được phong Hồ-quốc-công. Hoắc Quang tự Tử Mạnh, có công giúp Hán Chiêu-đế. Chiêu-đế mất, Quang đón Xương-Ấp vương về lên ngôi. Xương-Ấp có dâm hạnh, Quang bỏ đi lập Tuyên-đế. Quang ra vào cung cấm hai mươi năm giời không sơ suất một tí gì, nhưng họ hàng đầy triều, quyền hành lắm. Quang chết, Tuyên-đế đổ cho họ Hoắc mưu phản thu cả binh quyền, giết cả họ. Sau Tuyên-đế nhớ công Hoắc Quang vẽ hình Hoắc Quang ở Kỳ-lân các gọi là Đại-tướng quân Bác-Lục hầu, Hoắc thị, không cho đề tên.

(2) Đường Thái-Tôn dựng cái gác gọi là Lăng-yên các vẽ những công thần. Trong số ấy có Tần Thúc-Bảo, Hán Tuyên-đế làm gác Kỳ-lân vẽ mười một người công thần, trong số ấy có Hoắc Quang.

(3) *Huân tướng* : Tướng có công lao với nước.

(4) *Đồng hưu* : Cùng vui.

(5) *Tô phụ* : Vợ Tô Tần, lúc chồng chưa làm nên thì khinh bỉ, chồng về cứ ngồi dệt cửi không thèm xuống dọn cơm, sau Tô Tần làm tướng sáu nước, vợ nghé mắt trông, nghé tai nghe.

(6) *Lạc-dương* : Thành Lạc-dương ở tỉnh Hà-nam. Tô Tần người Lạc-dương.

Khi về đeo quả ấn vàng,
Trên khung cửi dám dẫy duồng làm cao.
Xin vì chàng xếp bào, cởi giáp,
Xin vì chàng giũ lớp phong sương.
Vì chàng tay chúc chén vàng,
Vì chàng điểm phấn, đeo hương não nùng
Dở khăn lệ (1) chàng trông từng tấm,
Đọc thơ sầu chàng thấm từng câu.
Câu vui đối với câu sầu,
Rượu khà cùng kể trước sau mọi nhời.
Sẽ rót vơi lần lần đòi chén,
Sẽ ca dần den dén đòi liên.
Liên ngâm (2), đối ẩm (3) từng phen,
Cùng chàng lại kết mối duyên đến già.
Cho bõ lúc sầu xa cách nhớ,
Giữ gìn nhau vui thủo thanh ninh.
Ngâm nga mong gửi chữ tình,
Dường này âu hẳn tài lành trượng phu.

CHUNG

---

(1) *Khăn lệ* : Khăn chùi nước mắt khi nhớ chồng.

(2) *Liên ngâm* : Một bài thơ lần lượt mỗi người làm một hay hai câu.

(3) *Đối ẩm* : Ngồi ngang nhau uống rượu.

TỲ BÀ HÀNH

BẠCH CƯ-DỊ

Bạch Cư-Dị tự là Lạc-Thiên, người đời Đường, quán ở Thái-nguyên (tỉnh lị tỉnh Sơn-tây), đỗ tiến-sĩ đời Nguyên-Hòa. Ông làm chức Tả-thấp-di, rồi phải biếm ra làm Tư-mã ở Giang-châu, sau lại được triệu về kinh làm đến Thượng-thư bộ Hình.

Khi trở về già, ông hay uống rượu làm thơ, lấy hiệu là Túy-ngâm tiên-sinh, ra ẩn ở núi Hương-sơn lại xưng là Hương-sơn cư-sĩ. Thơ của tiên-sinh dễ dàng, ai xem cũng hiểu.

BÀI TỰA TỲ-BÀ

Năm thứ mười niên hiệu Nguyên-Hòa, ta phải biếm ra làm chức Tư-mã ở quận Cửu-giang. Mùa thu năm sau, đêm ta tiễn khách ở bến Bồn-phố nghe thấy tiếng đàn tỳ ở trong một chiếc thuyền kia, tiếng đàn lanh lảnh như tiếng đàn ở Kinh-đô. Hỏi mãi mới biết là một người kỹ

nữ ở Trường-an, học trò hai thầy tài tử Mục và Tào. Người kỹ nữ ấy bấy giờ tuổi đã hơi cao, sắc đã suy, phải gửi thân vào anh lái buôn. Ta bèn gọi sang hầu rượu và đánh vài khúc đàn, thì khúc nào nghe cũng não nùng. Đánh đàn xong, nàng ấy than thân lúc trẻ thì vui thú, nay già phải phiêu linh khổ sở nay đây mai đó. Ta đi làm quan xa đã hai năm, nỗi nhà vừa hơi khuây, đêm ấy nghe mấy nhời mà trong dạ lại bồi hồi. Ta đặt bài trường thiên này tặng.

Bài này tất cả sáu trăm hai mươi hai chữ đặt tên là Tỳ bà hành.

琵琶行

潯陽江頭夜送客
楓葉荻花秋瑟瑟
主人下馬客在船
舉酒欲飲無管絃
醉不成歡慘將別
別時茫茫江浸月
忽聞水上琵琶聲
主人忘歸客不發

TỲ-BÀ HÀNH

Tầm-dương giang đầu dạ tống khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân hạ mã, khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền.
Túy bất thành hoan thảm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tầm nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ-bà thanh,
Chủ nhân vong qui khách bất phát.

似 絃 未 轉 猶 千 添 移 琵 尋
訴 絃 成 軸 抱 呼 酒 船 琶 聲
生 掩 曲 撥 琵 萬 攜 相 聲 暗
平 抑 調 絃 琶 喚 燈 近 停 問
不 聲 先 三 半 始 重 邀 欲 彈
得 聲 有 兩 遮 出 開 相 語 者
志 思 情 聲 面 來 宴 見 遲 誰

Tầm thanh ám vấn đàn giả thùy.
Tỳ-bà thanh đình dục ngữ trì.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiêm tửu huề đăng trụng khai yến.
Thiên hô, vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ-bà bán già diện.
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.
Huyền-huyền yểm ức thanh thanh tứ,
Tự tố sinh bình bất đắc chí.

低眉信手續續彈
說盡心中無限事
輕攏慢撚撥復挑
初爲霓裳後六么
大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語
嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤
間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘

Đê mi thân thủ tục-tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung mạn nhiên bát phục khiêu,
Sơ vi Nghê-thường hậu Lục-yêu.
Đại huyền tào-tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết-thiết như tư ngữ.
Tào-tào, thiết-thiết thác tạp đàn,
Đại châu, tiểu châu lạc ngọc bàn.
Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
U-yết lưu tuyền thủy hạ than.

水凝別此銀鐵曲四東船
泉絶有時瓶騎終絃見
冷不幽無乍突抽一西江
澀通愁聲破出撥聲舫心
絃聲暗勝水刀當如悄秋
凝漸恨有漿鑱心裂無月
絶歇生聲迸鳴畫帛言白

Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tiệm yết.
Biệt hữu u sầu ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình sạ phá thủy tương tinh,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc chung chửu bát đương tâm hoạch,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đông thuyền, tây phỏng tiễu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.

沉吟收撥插絃中
整頓衣裳起斂容
自言本是京城女
家在蝦蟆陵下住
十三學得琵琶成
名在教坊第一部
曲罷常教善才服
妝成每被秋娘妬
五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數

Trầm ngâm thu bát sáp huyền trung,
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung.
Tự ngôn bản thị kinh-thành nữ,
Gia tại Hà-mô lăng hạ trụ.
Thập tam học đắc tỳ-bà thành,
Danh tại giáo phường đệ nhất bộ.
Khúc bãi thường giao Thiện-tài phục,
Trang thành mỗi bị Thu-nương đố.
Ngũ-lăng niên-thiếu tranh triền đầu,
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.

前商老門暮弟秋今血鈿
月人大前去走月年色頭
浮重嫁冷朝從春歡羅銀
梁利作落來軍風笑裙篦
買輕商鞍顏阿等復翻擊
茶別人馬色姨閒明酒節
去離婦稀故死度年汚碎

Điền đầu ngân bê kích tiết toái,
Huyết sắc la quần phiên tửu ô.
Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
Thu nguyệt, xuân phong đẳng nhàn độ.
Đệ tầu tòng quân, ả di tử,
Mộ khứ, chiêu lai nhan sắc cố.
Môn tiền lãnh lạc an mã hy,
Lão đại giá tác thương-nhân phụ.
Thương-nhân trọng lợi khinh biệt ly,
Tiền nguyệt phù lương mãi trà khứ.

去繞夜夢我又同相我謫
來船深啼聞聞是逢從我居
江明忽妝琵此天何去臥
口月憶淚琶語涯必年病
守江少紅已重淪曾辭潯
空水年闌歎卿落相帝陽
船寒事干息卿人識京城

Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
Nhiễu thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.
Dạ thâm hốt ức thiếu niên sự,
Mộng đề trang lệ hồng lan can.
Ngã văn tỳ-bà dĩ thán tức,
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức.
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tằng tương thức.
Ngã tòng khứ niên từ Đế-kinh,
Trích cư ngọa bệnh Tầm-dương thành.

嘔豈往春杜其黃住終潯
啞無往江鵑間蘆在歲陽
喁山取花啼旦苦溢不地
嘶歌酒朝血暮竹江聞僻
難與還秋猿聞繞地絲無
爲村獨月哀何宅低竹音
聽笛傾夜鳴物生濕聲樂

Tầm-dương địa tịch vô âm nhạc.
Chung tuế bất văn ty trúc thanh.
Trụ tại Bồn-giang, địa đê thấp,
Hoàng lư, khổ trúc nhiễu trạch sinh,
Kỳ gian đản mộ văn hà vật?
Đỗ quyên đề huyết, viên ai minh.
Xuân giang hoa triêu, thu nguyệt dạ,
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
Khởi vô sơn ca dữ thôn địch?
Ẩu-á chu-chiết nan vi thinh.

今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明
莫辭更坐彈一曲
爲君翻作琵琶行
感我此言良久立
却坐促絃絃轉急
凄凄不似向前聲
滿座重聞皆掩泣
座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Kim dạ văn quân tỳ-bà ngữ,
Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh,
Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc.
Vị quân phiên tác Tỳ-bà hành.
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước tọa xúc huyền, huyền chuyển cấp,
Thê-thê bất tự hướng tiền thanh.
Mãn tọa văn chi giai yểm khấp.
Tọa trung khấp hạ thùy tối đa ?
Giang-châu Tư-mã thanh sam thấp.

ÔNG PHAN HUY-VỊNH

Ông Phan Huy-Vịnh 潘輝泳 tên chữ là Hàm-Phủ 涵甫 người làng Thụy-khuê, huyện Yên-sơn, tỉnh Sơn-tây.

Ông thi đỗ cử-nhân năm Minh-Mịnh thứ chín (1828).

Khi ông làm quan đến chức Lại-bộ tả-thị-lang, thì được cử đi sứ Tàu. Ông sang Tàu chẳng may gặp nội loạn phải ở lại bên Tàu đến ba năm. Khi ông về, ông được thăng ngay Lễ-bộ thượng-thư và sung Quốc-sử-giám tổng-tài thương bạc đại thần.

Đến năm Tự-Đức thứ 23 (1870) ông trí sĩ, thì mất ngay, hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi.

Ông là con ông Phan Huy-Thực 潘輝湜, cháu ông Phan Huy-Ích 潘輝益.

Ông Ích thi đỗ tiến-sĩ triều Lê, làm quan triều Tây-sơn đến chức Lễ-bộ thượng-thư. Ông Thực, nhân là con nhà thế gia, vua Gia-Long đòi vào cho làm quan, cũng thăng đến Lễ-bộ thượng-thư. Đến ông Vịnh cũng vậy. Ba đời đều làm đến Lễ-bộ thượng-thư cả.

Ông Vịnh có tiếng là người học giỏi, lúc ông đi sứ Tàu ông có làm tập Tứ trình tùy bút 駟程隨筆. Văn quốc âm thì chỉ thấy có bài Tỳ bà hành diễn nôm thôi.

THU HỨNG (1)

Lác đác rừng phong (2) hạt móc sa,
Ngàn Vu (2) hiu hắt khí thu lòa.
Lưng giời, sóng gợn lòng sông thẳm, (3)
Mặt đất, mây đùn cửa ải xa. (4)
Khóm cúc, tuôn đôi hàng lệ cũ, (5)
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà. (6)
Lạnh lùng giục kẻ tay đao sích, (7)
Thành quạnh dồn châm bóng ác tà. (8)

---

(1) Bài thơ này dịch ở bài Thu-hứng của Đỗ Phủ. Thu-hứng tám bài, bài này là bài đầu. Đỗ Phủ lưu lạc ở đất khách thấy gió thu, động lòng nhớ nhà, mà làm ra. Các ca kỹ đọc khúc Tỳ-bà thì mào đầu ngâm bài thơ dịch này đã.

Bài thơ chữ :

玉露凋傷楓樹林
Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
巫山巫峽氣蕭森
Vu-sơn, Vu-hiệp khí tiêu sâm.
江間波浪兼天湧
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
塞上風雲接地陰
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
叢菊兩開他日淚
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
孤舟一繫故園心
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

寒衣處處催刀尺
Hàn y xứ xứ thôi đao sích,
白帝城高急暮砧
Bạch-đế thành cao cấp mộ châm.

(2) *Rừng phong* : Đất Qui-châu (bây giờ là Tứ-xuyên) là nơi Đỗ Phủ phải biếm ra làm quan, có nhiều cây phong trồng như rừng.

(2) *Ngàn Vu* : Núi Vu-sơn ở Qui-châu.

(3) Dưới sông sóng đánh lên cao lưng giời. Nói nước ở dưới đưa lên.

(4) Ở cửa ải mây đùn xuống mặt đất. Nói mây ở trên đùn xuống.

(5) Ở Qui-châu hai năm, hai lần trông thấy cúc. Nghĩ sau trông thấy cúc nữa nhớ đến cảnh nhà bị tàn phá trong lúc đi vắng thì lại phải rỏ nước mắt ra mất.

(6) Ví thân như con thuyền lưu lạc xa động lòng nhớ nhà.

(7) Khí thu lạnh lẽo giục người ta cắt áo.

(8) Thành Bạch-đế ở trên núi cao, về buổi chiều nghe tiếng nện vải mau tay.

TỲ BÀ HÀNH

PHAN HUY-VỊNH dịch

Bến Tầm-dương (1) canh khuya đưa khách,
Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.
Người (2) xuống ngựa, khách dừng chèo,
Chén quỳnh (3) mong cạn, nhớ chiều trúc ti. (4)
Say những luống ngại khi hầu rẽ, (5)
Nước mênh mông dượm vẻ gương trong. (6)
Tiếng tỳ nghe vẳng bên sông,
Chủ khuây-khỏa lại, khách dùng-dằng xuôi. (7)
Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá? (8)
Dừng tiếng đàn, nấn ná làm thinh. (9)

---

(1) *Tầm-dương* : Sông Tầm-dương chảy qua phía bắc huyện Cửu-giang tỉnh Giang-tây. Bảy chữ câu đầu nói đủ được cả xứ, thời, sự.

(2) *Người* đây là chủ, tức là Bạch Cư-Dị cưỡi ngựa ở trong thành ra bến tiễn khách, đến nơi xuống ngựa cùng với bạn uống rượu tiễn biệt.

(3) *Chén quỳnh* : Chén uống rượu làm bằng ngọc.

(4) *Trúc ti* : Tiếng trúc, tiếng tơ, tức là tiếng sáo, tiếng đàn.

(5) Câu này ý nói không có tiếng đàn sáo, uống rượu chóng say thế đã không vui, mà lại còn nghĩ đến sự biệt nhau cho nên lại thêm buồn.

(6) *Gương trong* : Giăng sáng. Đêm thanh vắng, yên lặng chỉ thấy mặt giăng lồng đáy nước thôi.

(7) Chợt nghe thấy tiếng đàn tỳ-bà, chủ quên cả về, khách quên cả đi.

(8) Nghe xem tiếng đàn ở nơi nào rồi hỏi ai đàn.

(9) Lên tiếng hỏi thì tiếng đàn im đi, không ai đáp cả.

Dời thuyền nèo hỏi thăm tình, (1)
Chong đèn, thêm rượu, còn dành tiệc vui. (2)
Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ, (3)
Tay ôm đàn che nửa mặt hoa. (4)
Vặn đàn vài tiếng dạo qua, (5)
Dẫu chưa nên khúc, tình đà thoảng hay. (6)
Nghe não nuột mấy dây buồn bực,
Dường than niềm tấm tức bấy lâu. (7)
Mày chau, tay gẩy khúc sầu,
Dãi bầy hết nỗi, trước sau muôn vàn. (8)
Ngón buông, bắt khoan khoan dìu-dặt,
Trước Nghê-thường (9) sau thoắt Lục-yêu. (10)

---

(1) Bơi thuyền lại hỏi và mời.

(2) Rượu còn, đèn chưa tắt, nhưng bày tiệc khác, chong thêm đèn.

(3) Mời năm bảy lần mới chịu ra, khi ra thì là đàn bà.

(4) Người đàn bà ấy sượng sùng e lệ, tay ôm cái đàn che một nửa mặt đi.

(5) Người đàn bà ấy không nói năng gì, nhưng trước khi đánh ra khúc, dạo qua mấy tiếng đã.

(6) Mới khẩy dây đàn vài tiếng chưa đánh thành bài mà người nghe đã rõ cái tình khổ.

(7) Nghe tiếng đàn buồn bực hình như than thở điều uất ức ở trong lòng.

(8) Mặt thì buồn cau lại, tay gẩy đàn, nghe như dãi nỗi bất đắc chí của mình.

(9) *Nghê-thường* : Tên một khúc nhạc của Dương Kính-Chung dâng Đường Minh-hoàng.

(10) *Lục-yêu* : Đời Trình-Nguyên giới làm đại hạn, vua sai các thầy phù-thủy cầu đảo, truyền cho dân ở phố đánh đàn cho vui. Có tên Khang Côn-Lôn xin lên lầu đánh một khúc, điệu mới, hay lắm, gọi là khúc Lục-yêu.

Dây to dường đỗ mưa dào,
Nỉ non dày nhỏ như trò chuyện riêng.
Tiếng cao thấp lựa chen lần gẩy,
Mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu. (1)
Trong hoa oanh ríu rít nhau, (2)
Nước tuôn róc-rách chẩy mau xuống ghềnh. (3)
Nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt, (4)
Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ. (5)
Âm thầm đau giận ngẩn ngơ,
So ra lặng lẽ, bấy giờ càng hay. (6)
Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước, (7)
Ngựa sắt giong, sàn-sạt tiếng đao (8).

---

(1) Tiếng đàn thánh thót như những viên hạt châu nhỏ rơi xuống cái mâm ngọc.

(2) Tiếng đàn như chim oanh ríu rít trong bụi hoa.

(3) Tiếng đàn liên tiếp nhau luôn như nước trên ghềnh chảy xuống.

(4) Tiếng đàn nhỏ nghe như nước lạnh muốn ngừng lại.

(5) Tay không gẩy nữa thì tiếng đàn ngừng đứt hẳn đi.

(6) Trong lòng có điều đau đớn khổ sở cho nên tiếng đàn ngừng lại. Lúc có tiếng đàn thì nghe tiếng đàn, tiếng đàn đứt thì tưởng đến tình đến cảnh, bấy giờ tuy không có đàn mà lại hay hơn khi có tiếng đàn.

Câu này có bản chép là:

Ôm sầu, mang giận ngẩn ngơ,
Tiếng tơ lạnh ngắt bấy giờ càng hay.

(7, 8) Tiếng đàn dứt lại nổi ngay lên, nghe tựa hồ nước ở bình vỡ toé ra, sang sảng, hăng hái như tiếng gươm giáo ở nơi chiến trường.

Cung đàn trọn khúc thanh tao, (1)
Tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây. (2)
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt, (3)
Một vầng giăng trong vắt lòng sông. (4)
Ngậm ngùi đàn bát (5) xếp xong, (6)
Áo xiêm khép nép hầu mong dãi nhời. (7)
Rằng : xưa vốn là người kẻ chợ, (8)
Cồn Hà-mô (9) thú ở làn-lá.

(1, 2) Đàn tỳ có bốn dây, đánh hết một khúc thì tay khẩy một cái cả bốn dây, tiếng ấy nghe như tiếng xé lụa vậy, ý nói nhanh lắm.

(3) Trong những thuyền ở chung quanh đấy tiếng người im phăng phắc, ai cũng để tai nghe đàn cả.

(4) Bao nhiêu tâm-trí để cả vào đàn, quên cả mình ở trên chiếc thuyền, dưới bóng giăng, đến khi im tiếng đàn, trông chung quanh mới lại thấy giăng trong lòng đáy nước.

(5) *Đàn bát* : Mảnh xương, mảnh ngà dùng để gẩy đàn.

(6) Hết khúc đàn cài cái đàn bát vào dây đàn, nhưng có dáng ngậm ngùi như trong lòng có điều uất ức muốn nói ra.

(7) Tả người đàn bà sửa sang khăn áo, rụt rè, khép nép sắp sửa muốn tỏ bầy tâm-sự mình.

(8) *Kẻ chợ* : Chốn kinh đô.

(9) *Cồn Hà-mô* : Tên cái gò ở Trường-an, nơi có nhiều hồng lâu, tửu điếm. Tục truyền chỗ ấy là mộ Đổng Trọng-Thư, Hán Vũ-đế mỗi khi ngự ra vườn Nghi-xuân, qua gò ấy cũng xuống ngựa, cho nên gọi là gò Hạ-mã 下馬. Lấu ngày gọi sai, viết sai ra là Hà-mô 蝦蟆.

Học đàn từ thủa mười ba, (1)
Giáo-phường (2) đệ nhất bậc đà liệt danh.
Gã Thiện-tài (3) sợ phen dừng khúc,
Ả Thu-nương (4) ghen lúc điểm tô.
Ngũ-lăng (5) chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm (6) chuộc mua tiếng đàn. (7)
Vành lược bạc gẫy tan dịp gõ, (8)
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi. (9)

---

(1) Mười ba tuổi học đàn đã giỏi.

(2) *Giáo phường* : Đầu đời Đường nhạc chơi bời thuộc về quan Thái-thường coi cả. Đến năm Khai-Nguyên thứ hai vua lấy nhẽ rằng quan Thái-thường coi việc lễ nhạc, không nên để kiêm cả việc hát xướng, mới đặt ra tả giáo phường, hữu giáo phường chỉ coi riêng việc hát xướng chơi.

(3) *Thiện-tài* : Tiếng gọi thầy dạy đàn. Đánh hết khúc đàn, thầy dạy nghe phải sợ, thế là đàn giỏi hơn thầy.

(4) *Thu-nương* : Sách « Quốc-sử-bổ » chép rằng : Lý Kỳ làm phản, phải giết, người thiếp là Đỗ Thu-nương phải bắt sau lại được tha. Thu-nương là người đẹp lắm.

(5) *Ngũ lăng* : Năm cái gò ở Trường-an, (Trường-lăng, An-lăng, Dương-lăng, Mậu-lăng, Bình-lăng) chỗ các nhà quyền quí ở.

(6) *The thắm* : Tục Tàu lấy lụa điều, nhiều điều thưởng những người hát múa.

(7) Những con nhà quyền quí sang trọng ganh đua nhau thưởng nhiều để mua lấy tiếng đàn.

(8) Đầu cài lược bạc, lúc đàn hát vui, tay gõ dịp đầu lắc lư lược rơi vỡ cả.

(9) Cùng khách yến ẩm vui đùa, rượu đổ ra áo quần ố hoen cả.

Năm năm lần lữa vui cười,
Mải gió giăng chẳng đoái hoài xuân-thu. (1)
Buồn em trảy, lại sầu dì thác, (2)
Lần hôm mai đổi khác hình dung. (3)
Cửa ngoài xe ngựa vắng không, (4)
Thân già mới kết đôi cùng khách thương. (5)
Khách trọng lợi, khinh đường li cách,
Mải buôn chè, sớm tếch nguồn khơi. (6)
Thuyền không, đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền giăng dãi, nước trôi lạnh lùng. (7)
Đêm khuya sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Chợt mơ màng dòng lệ đỏ hoen. (8)
Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ non mấy nhời. (9)

---

(1) Lúc trẻ hết năm ấy sang năm khác vui chơi không nghĩ gì đến ngày tháng nữa.

(2) Buồn vì em phải trảy đi thú xa, sầu vì dì chết.

(3) Ngày tháng vùn vụt, cái sắc suy dần đi.

(4) Cái sắc suy nhưng cái tài đàn vẫn còn mà không ai đoái hoài đến nữa, thế mới biết cái sắc trọng hơn cái tài.

(5) Già rồi, bất đắc dĩ phải lấy anh lái buôn để có nơi nương tựa.

(6) Chồng là lái buôn chỉ biết lợi, không nghĩ tình vợ chồng, nỡ để mình ở dưới thuyền tếch lên núi mua chè.

(7) Một mình ở giữ thuyền, ngoài cái thuyền ra không có bè bạn, chỉ có giăng với nước.

(8) Đêm trước chợt nhớ đến lúc còn trẻ vui thú lại nghĩ đến tình cảnh giờ lạnh lẽo, nước mắt rỏ ra đỏ cả mắt.

(9) Nghe đàn đã buồn, nghe những nhời ấy lại thêm sầu

Cũng một lứa bèn giời lận đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau. (1)
Từ xa kinh-khuyết bấy lâu,
Tầm-dương đất trích (2) gối sầu hôm mai.
Chốn cùng tịch (3) lấy ai vui với,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm. (4)
Sông Bồn (5) gần chốn cát lầm,
Lau vàng, trúc vỗ, nẩy mầm quanh hiên. (6)
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối ? (7)
Cuốc kêu sầu, vượn hót véo von. (8)
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng. (9)

---

(1) Lạc-Thiên là Hàn-lâm học-sĩ ở kinh phải biếm ra Giang-châu, người đàn bà kia vốn hay đàn có tiếng ở Giáo-phường phải kết nghĩa với anh lái buôn mà lại phải giữ thuyền không ở nơi xa lạ, hai bên cùng lưu lạc xa nhà cửa mà lại gặp nhau ở nơi đất khách quê người, dẫu không quen biết nhau, cũng là cái duyên sui khiến nên mới gặp nhau.

(2) *Đất trích* : Nơi xa xôi mà những người làm quan có tội lỗi phải biếm ra đấy.

(3) *Cùng tịch* : Nơi xa xôi vắng vẻ.

(4) Chỗ xa hiểm, người quê mùa còn có ai biết đàn sáo cho vừa tai một người tài tình như Lạc-Thiên.

(5) *Sông Bồn* : Tên sông con chảy vào sông Dương-tử giang ở mé tây huyện Cửu-giang tỉnh Giang-tây.

(6) Chỗ sông Bồn đất thấp ướt, chỉ có lau với trúc là mọc được thôi, cho nên quanh chỗ ở chỉ có một mầu lau với trúc.

(7) Thế thì suốt ngày nghe thấy những tiếng gì.

(8) Chỉ có tiếng cuốc kêu với tiếng vượn hót.

(9) Gặp lúc gió xuân, giăng thu thì chỉ ngồi rót rượu uống một mình.

Há chẳng có ca rừng, địch nội ? (1)
Giọng líu lo, buồn nỗi khó nghe.
Tỳ-bà nghe dạo canh khuya,
Dường như tiên nhạc, gần kề bên tai. (2)
Hãy ngồi lại gẩy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca. (3)
Đứng lâu dường cảm nhời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kịp dây. (4)
Nghe não nuột khác tay đàn trước, (5)
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi. (6)
Lệ ai chan chứa hơn người ?
Giang-châu Tư-mã đượm tràng áo xanh. (7)

---

(1) *Ca rừng* : Giọng hát người ở rừng. *Địch nội* : Tiếng sáo người nhà quê.

(2) Ở nơi quê mùa đã lâu, tai chỉ nghe thấy những tiếng hát líu lo, nay chợt được nghe đàn tỳ-bà thì khác nào như là được nghe nhạc ở trên tiên.

(3) Gặp gỡ nhau một cách tình cờ như thế, Lạc-Thiên xin nghe một khúc nữa và đặt bài ca tặng thay vào mảnh the thắm.

(4) Người đàn bà trước đánh một khúc tỳ-bà rồi đứng dậy thưa chuyện, Lạc-Thiên nài gẩy khúc nữa, lại ngồi xuống lựa gẩy, nhưng khúc này đàn nhanh vì đêm đã khuya, tiệc đã hầu tàn.

(5) Khúc sau này tiếng đàn não nuột mà thôi, không ai oản như khúc trước.

(6) Bao nhiêu người ở tiệc nghe tiếng đàn cũng phải rỏ nước mắt ra.

(7) Nhưng người nhiều nước mắt nhất, ướt cả áo là Lạc-Thiên làm chức Tư-mã ở Giang-châu.

CHUNG

MỤC LỤC

	Số trang
Cung Oán	7
Chinh phụ ngâm (Hán văn)	47
Chinh phụ ngâm dịch nôm	95
Tỳ-bà hành (Hán văn)	127
Tỳ-bà hành dịch nôm	139